

Số: /BC-UBND

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Dự thảo

BÁO CÁO

Kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai đã tiến hành tổng kết kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021 – 2025.

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN TỔNG KẾT

1. Bối cảnh trong nước và quốc tế

Thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đồng Nai và Bình Phước nhiệm kỳ 2020-2025, trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực, trong nước có nhiều thuận lợi, thời cơ đan xen khó khăn, thách thức, đặc biệt là tác động của đại dịch Covid-19, xung đột vũ trang, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và việc triển khai mô hình chính quyền hai cấp, chính quyền hai tỉnh đã phát huy đoàn kết, bản lĩnh, nỗ lực vượt khó, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, đạt nhiều thành tựu quan trọng, cơ bản hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

Việc triển khai phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn hai tỉnh Bình Phước và Đồng Nai (cũ) được bắt đầu từ năm 2022 theo Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (cũ) về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và Kết luận số 369-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030. Việc triển khai trong giai đoạn này đã đối mặt với nhiều khó khăn, nhất là ảnh hưởng của hậu dịch Covid-19 và tác động của sự bất ổn kinh tế, chính trị thế giới. Song Thường trực Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc, Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành; các ngành, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân có nhiều nỗ lực cố gắng khắc phục các khó khăn, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm.

2. Quá trình thực hiện tổng kết

UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 3902/UBND-TH ngày 26/8/2025 về việc báo cáo đánh giá kết quả 03 nhiệm vụ đột phá thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Đồng Nai khóa XI, trong đó giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổng hợp thông tin của hai tỉnh Đồng Nai và Bình Phước cũ và tiến hành báo cáo đánh giá kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025.

Ngày 03/9/2025, sở Nông nghiệp và Môi trường đã có văn bản số 4072/SoNNMT về việc báo cáo đánh giá kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Công tác chỉ đạo, triển khai thực hiện

Căn cứ Kế hoạch số 110-KH/TU ngày 31/12/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Đồng Nai (cũ) về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 (*Kế hoạch số 110-KH/TU*); Kết luận số 369-KL/TU ngày 25/6/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (*Kết luận số 369-KL/TU*). Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai (cũ) và tỉnh Bình Phước đã triển khai thực hiện, ban hành các văn bản như sau:

1.1. Tỉnh Đồng Nai (cũ)

Sau khi Kế hoạch số 110-KH/TU được ban hành, các cấp ủy trực thuộc tỉnh, Đảng ủy UBND tỉnh, đảng đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn tổ chức quán triệt đồng bộ Kế hoạch cho cán bộ chủ chốt các cấp. Trên cơ sở thực tiễn tại địa phương, 100% các huyện, thành phố đã chủ động, xây dựng kế hoạch, chương trình hành động về lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm để tập trung chỉ đạo (*chi tiết các văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 110-KH/TU tại Phụ lục I đính kèm*).

Các đảng bộ, chi bộ cơ sở, bí thư, thủ trưởng cơ quan, đơn vị đã tổ chức quán triệt Kế hoạch số 110-KH/TU đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên thuộc đơn vị và quần chúng nhân dân trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chính sách, mục tiêu của kế hoạch; chủ động giải quyết, tháo gỡ những vấn đề khó khăn, vướng mắc, tồn tại trong quá trình triển khai ở cơ sở. Đến ngày 30/6/2025, 100% cấp ủy, tổ chức đảng trên địa bàn tỉnh đã tổ chức học tập quán triệt Kế hoạch số 110-KH/TU cho đảng viên, với tỷ lệ đạt 98,99% (*chi tiết số lượng đảng viên được triển khai tại Phụ lục II đính kèm*).

Nhằm cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp Kế hoạch số 110-KH/TU, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 208/KH-UBND ngày 30/9/2022 về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với

công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, giao nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ngành và địa phương đồng thời ban hành bộ tiêu chí giám sát, đánh giá kết quả thực hiện.

Để bổ sung, Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành hướng dẫn thống kê, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ theo Kế hoạch số 110-KH/TU. Ngoài ra, chính quyền địa phương các cấp đã xây dựng kế hoạch, chương trình, ban hành các văn bản chỉ đạo cụ thể để tổ chức thực hiện phù hợp tình hình thực tiễn (*Chi tiết các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch 110-KH/TU tại Phụ lục III đính kèm*).

1.2. Tỉnh Bình Phước (cũ)

Sau khi Kết luận số 369-KL/TU được ban hành, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc; các ban cán sự đảng, đảng đoàn; các Sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội tỉnh đã phổ biến, quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân. Các tổ chức Đảng các cấp đã quán triệt và xây dựng kế hoạch triển khai trên địa bàn, cụ thể 11/11 huyện, thị xã, thành phố có kế hoạch triển khai của cấp ủy và chỉ đạo UBND cấp huyện xây dựng kế hoạch thực hiện.

Để triển khai thực hiện Kết luận số 369-KL/TU, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1862/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 về việc phê duyệt Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030” (sau đây gọi tắt là Đề án) và Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 05/10/2023 về triển khai thực hiện Đề án; lồng ghép vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đưa chỉ tiêu vào mục tiêu cụ thể từng năm, giai đoạn để thực hiện. Sở Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch số 17/KH-SNN-VP ngày 02/2/2024 triển khai Kế hoạch số 312/KH-UBND ngày 05/10/2023 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030”.

2. Kết quả thực hiện

Cùng với sự nỗ lực của các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ngành, địa phương và sự quan tâm, hưởng ứng của các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại và các hộ sản xuất kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn, nên công tác triển khai thực hiện phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh, đạt được những kết quả quan trọng như sau:

2.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu chủ yếu

2.1.1. Tỉnh Đồng Nai (cũ)

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực ứng dụng công nghệ cao đạt 51,27% (*giá trị ước đạt 38.424 tỷ đồng¹*), đạt 102,5% mục tiêu đến năm 2025 (KH: 50%). Một số địa phương đạt cao so với mục tiêu, như: Xuân Lộc đạt

¹ Cẩm Mỹ 5959,77 tỷ đồng; Xuân Lộc 9.087,4 tỷ đồng; Long Khánh 557 tỷ đồng; Thống Nhất 2.282,6 tỷ đồng; Định Quán 1.907,06 tỷ đồng; Tân Phú 7.076 tỷ đồng; Trảng Bom 2.136,26 tỷ đồng; Vĩnh Cửu 4.008 tỷ đồng; Long Thành 1.650 tỷ đồng; Nhơn Trạch 37,3 tỷ đồng; Biên Hòa 3,86 tỷ đồng.

72,3%, Thống Nhất đạt 68,25%, Cẩm Mỹ đạt 62%, Vĩnh Cửu đạt 57%, Long Thành đạt 55%.

- Hình thành 08 vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vượt mục tiêu đến năm 2025 (KH: 2-3 vùng). Vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao hình thành tại các địa phương, như: Xuân Lộc 04 vùng, Định Quán 01 vùng, Vĩnh Cửu 02 vùng, Tân Phú 01 vùng.

- Có 436 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, vượt mục tiêu đến năm 2025 (KH: 30-40 mô hình). Một số địa phương đạt cao so với mục tiêu, như: huyện Xuân Lộc (111 mô hình), huyện Tân Phú (73 mô hình), huyện Cẩm Mỹ (43 mô hình), huyện Long Thành (40 mô hình).

- Có 328 doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, chưa có doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận (KH: 30 doanh nghiệp). Hiện trên địa bàn tỉnh có 07 doanh nghiệp² trên địa bàn tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ trình công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ đạt 0,61% (diện tích 1.138,33 ha), đạt 40,6% mục tiêu đến năm 2025 (KH: 1,5%). Trong đó, Huyện Vĩnh Cửu là địa phương có diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ cao nhất với 481 ha.

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp chủ lực sản xuất theo quy trình tốt và tương đương đạt 10,91% (giá trị 8.177 tỷ đồng), đạt 43,64% kế hoạch đến năm 2025 (KH: 25%). Một số địa phương đạt cao so với mục tiêu, như: huyện Long Thành đạt 30%, huyện Tân Phú 32%, huyện Thống Nhất 26,4%.

- Hình thành 15 vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ (quy mô 1.555 ha), vượt 5 lần so với mục tiêu đến năm 2025 (KH: 2-3 vùng). Trong đó: huyện Cẩm Mỹ 3 vùng, huyện Vĩnh Cửu 3 vùng, huyện Nhơn Trạch 3 vùng, huyện Xuân Lộc 3 vùng, huyện Tân Phú 2 vùng, huyện Long Thành 1 vùng.

- Có 9 mô hình đạt chứng nhận hữu cơ, đạt mục tiêu kế hoạch đến năm 2025 (KH: 8-10 mô hình). Bên cạnh đó, trên địa bàn tỉnh có 124 mô hình sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Một số địa phương tiêu biểu về sản xuất nông nghiệp hữu cơ, như: huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Thống Nhất, Cẩm Mỹ.

- Tỷ lệ lao động tại các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, trang trại ứng dụng công nghệ cao được đào tạo, tập huấn đạt 100% (38.113 người), đạt 100% mục tiêu đến năm 2025 (KH: 100%).

- Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông, lâm, thủy sản được sản xuất theo hình thức hợp tác, liên kết đạt 51,67% (giá trị 29.305 tỷ đồng), đạt 103,34% so với mục tiêu đến năm 2025 (KH: 50%). Một số địa phương đạt cao so với mục tiêu, như: Xuân Lộc 60%, Cẩm Mỹ 62%, Thống Nhất 65% và Tân Phú 90%.

- Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả đạt 80,1% (182 hợp tác xã), đạt 100,1% so với mục tiêu đến năm 2025 (KH: 80%). Một số địa phương đạt huyện nông thôn mới nâng cao có tỷ lệ HTX hoạt động hiệu quả đạt tỷ lệ cao như: Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Định Quán đạt tỷ lệ 100%.

² Công ty TNHH TM Trang Trại Việt; Công ty TNHH Emivest Feedmill (TG) Việt Nam – Chi nhánh Xuân Phú; Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Nga Biên. Công ty cổ phần Hiệp Đạt Đồng Nai; Chi nhánh Công ty Cổ Phần Công Nghệ Sinh Học REP; Công ty TNHH Nghĩa Kỳ (Gỗ Cao su); Công ty cổ phần cà phê Olympic.

(Chi tiết kết quả thực hiện 11 chỉ tiêu tại Phụ lục V đính kèm)

2.1.2. Tỉnh Bình Phước (cũ)

- Hình thành 03 vùng NNUDCNC tại huyện Bù Đăng với tổng diện tích là 400 ha. Tuy nhiên chưa có vùng NNUDCNC được UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận (KH: 01-02 vùng).

- Diện tích sản xuất sạch trên cây trồng đạt khoảng 14.072 ha, chiếm 6,5% diện tích sản xuất (không tính trồng cây cao su), đạt 83% mục tiêu đến 2025 (KH: 17.000 ha, 7,77%). Trong đó, diện tích sản xuất được chứng nhận hữu cơ đạt 3.570 ha, chiếm 1,64% diện tích sản xuất, đạt 70% mục tiêu đến 2025 (KH: 5.130 ha, 2,35%).

- Tỷ lệ trang trại chăn nuôi heo theo hướng an toàn đạt 100%, vượt mục tiêu đến 2025 (KH: 90%).

- Tỷ lệ trang trại chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn đạt 100%, vượt mục tiêu đến 2025 (KH: 90%).

- Có 1.400 nhà dẫn dụ nuôi chim yến được quản lý theo quy định tại Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước, đạt mục tiêu KH đến 2025 (KH: *phát triển nuôi chim yến tại các huyện, thị xã, thành phố*).

- Thu hút đầu tư về NNUDCNC, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, chế biến nông sản, chủ yếu trong lĩnh vực chăn nuôi với tổng mức thu hút đầu tư khoảng 11.500 tỷ đồng, đạt 48,9% mục tiêu đến 2025 (KH: 23.500 đồng).

- Đang tiến hành các bước hoàn thiện hồ sơ thủ tục thành lập khu NNUDCNC theo quy định, chưa đạt mục tiêu đến 2025 (KH: *hình thành khu NNUDCNC*).

- Hình thành 01 mô hình liên kết giữa NNUDCNC, sạch, hữu cơ kết hợp đô thị sinh thái - khu dân cư - du lịch - cảnh quan trên địa bàn huyện Đồng Phú, đạt 25% mục tiêu đến 2025 (KH: *Phát triển mô hình trên địa bàn các huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành*).

- Phát triển 96 HTX NNUDCNC trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đạt 96% mục tiêu đến 2025 (KH: 100 HTX NNUDCNC).

2.2. Kết quả các nhiệm vụ, giải pháp trọng

2.2.1. Về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

2.2.1.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

a) Về công tác quy hoạch, triển khai thực hiện quy hoạch

- Tỉnh đã rà soát xác định không gian, định hướng phát triển các vùng sản xuất trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, làm cơ sở bố trí nguồn vốn đầu tư công, kêu gọi, thu hút đầu tư vào nông nghiệp gắn với định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp bền vững, với 321 vùng sản xuất tập trung quy mô 95.651 ha, 10 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô 11.879,89 ha (*chi tiết tại Phụ lục VI đính kèm*).

- Kết cấu hạ tầng các vùng sản xuất tập trung, vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thời gian qua được quan tâm đầu tư, cơ bản đồng bộ và đáp ứng yêu cầu phục vụ sản xuất, chế biến, vận chuyển hàng hoá nông sản của người dân, doanh nghiệp, nhất là hệ thống giao thông nội đồng, điện sản xuất,

thuỷ lợi. Hiện nay, 100% (805 km) đường trục chính nội đồng được nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hoá (trong đó: 552km được nhựa hoá, bê tông hoá, chiếm 69%; 253 km được cứng hoá, chiếm 31%); giai đoạn 2021-2024 trên địa bàn tỉnh đã đầu tư, sửa chữa nâng cấp 09 công trình thuỷ lợi với tổng mức đầu tư là 740,55 tỷ đồng, góp phần tăng thêm diện tích tưới 750 ha, diện tích tiêu 5.252 ha, cấp nước thô tăng thêm 12.150 m³/ngày đêm (trong đó: 04 công trình xây dựng mới; 05 công trình sửa chữa, nâng cấp), lũy kế đến ngày 30/6/2025 toàn tỉnh có 139 công trình³ thuỷ lợi đang hoạt động, phục vụ tưới, tiêu cho 25.694 ha (tổng diện tích cấp nước tưới, tiêu, ngăn mặn cả năm là 61.924 ha), bên cạnh đó khoảng 78.943 ha cây trồng cạn được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, chiếm 48,77% (78.943/161.883 ha) so với diện tích có nhu cầu tưới và các công trình tích trữ nước có dung tích nhỏ được người dân đầu tư để phục vụ sản xuất trong mùa khô; hệ thống lưới điện trung, hạ thế cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, giai đoạn 2021 – 2024 tỉnh đã đầu tư 09 công trình lưới điện nông thôn tại các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung với 37 hạng mục, khối lượng đường dây trung thế đưa vào sử dụng là 33,465 km và nâng cấp 5,248 km từ điện 1 pha lên 3, xây dựng 47 trạm biến áp với dung lượng tăng thêm 6.067,5 kVA; tại các vùng sản xuất tập trung, các địa phương đã bố trí 1.414 bể thu gom bao bì, thuốc bảo vệ thực vật, chất thải được địa phương hợp đồng với đơn vị được cấp phép xử lý chất thải nguy hại xử lý tiêu huỷ tại các lò đốt chuyên dụng.

- Toàn tỉnh hình thành 127 vùng sản xuất nông nghiệp tập trung đối với nông sản chủ lực của tỉnh với tổng diện tích 40.689 ha, trong đó 08 vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao với quy mô gần 1.600 ha về sản phẩm lúa, xoài, bưởi, sầu riêng tại huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu, Tân Phú (chi tiết tại Phụ lục VII đính kèm). Các vùng sản xuất đã ứng dụng nhiều tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất (sử dụng giống có năng suất, chất lượng cao; áp dụng hệ thống tưới tự động, bán tự động; sử dụng chế phẩm sinh học phòng trừ dịch hại; áp dụng cơ giới hóa đồng bộ từ khâu làm đất đến thu hoạch), hình thành liên kết chuỗi từ sản xuất đến tiêu thụ, áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi,... một số sản phẩm trong vùng đã xây dựng nhãn hiệu hàng hóa, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc, đạt chứng nhận OCOP. Tiêu biểu như vùng trồng sầu riêng tại xã Phú An, huyện Tân Phú; vùng trồng bưởi tại xã Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu; vùng trồng chuối tại xã Thanh Bình, huyện Trảng Bom; vùng trồng lúa tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú; vùng trồng tiêu tại xã Lâm San huyện Cẩm Mỹ; vùng trồng chôm chôm tại thành phố Long Khánh; vùng trồng xoài tại xã Xuân Hưng huyện Xuân Lộc; vùng nuôi tôm tại huyện Tân Phú, Nhơn Trạch, Long Thành;...

- Công tác thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến huyện, thành phố quan tâm, chỉ đạo, triển khai thực hiện với nhiều hình thức⁴. Giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn

³ Gồm: 18 hồ chứa, 56 đập dâng, 40 trạm bơm, 7 công trình ngăn mặn, ngăn lũ, 4 kênh tạo nguồn và 14 kênh tiêu

⁴ Hàng năm, tỉnh đã ban hành chương trình xúc tiến đầu tư; ban hành danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên thu hút đầu tư các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch và đặc biệt quan tâm mời gọi đầu tư các dự án thuộc ngành nông nghiệp và công nghệ chế biến nông sản. Các ngành, các địa phương tích cực tổ chức các hội nghị đối thoại với doanh nghiệp, kết nối doanh nghiệp với đơn vị sản xuất; kết nối đơn vị sản xuất

tỉnh có 16 dự án đầu tư vào nông nghiệp được cấp quyết định chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với tổng mức đầu tư gần 1.312 tỷ đồng (*trong đó: 12 dự án đầu tư trong nước với tổng vốn đăng ký đầu tư hơn 962,265 tỷ đồng, 04 dự án đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký đầu tư 13,795 triệu USD*), tiêu biểu là dự án Nhà máy chiếu xạ và Trung tâm nghiên cứu ứng dụng phát triển công nghệ bức xạ tại Khu công nghiệp CNC Long Thành với quy mô chiếu xạ 100.000 tấn sản phẩm/năm, tổng mức đầu tư 650 tỷ đồng.

b) Về triển khai các chính sách, chương trình, dự án thúc đẩy phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Các cơ chế, chính sách về hỗ trợ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được tỉnh ban hành kịp thời và đồng bộ: hiện trên địa bàn tỉnh chưa có chính sách đặc thù về hỗ trợ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, việc hỗ trợ được triển khai lồng ghép thông qua các chính sách, chương trình, đề án, dự án được Chính phủ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành như: chính sách tín dụng phục vụ nông nghiệp theo Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo Nghị quyết số 198/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh Đồng Nai; hỗ trợ liên kết sản xuất theo Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của HĐND tỉnh; hỗ trợ khuyến nông theo Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh; hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh; Chương trình số 08/CTr-UBND ngày 21/7/2022 về hỗ trợ sản xuất an toàn giai đoạn 2022 – 2025; hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp theo Quyết định số 35/2021/QĐ-UBND ngày 16/8/2021 của UBND tỉnh. Các chính sách quy định rõ điều kiện, định mức, nội dung hỗ trợ và được các sở, ngành ban hành hướng dẫn tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận, trong đó cụ thể các quy định hỗ trợ về ứng dụng công nghệ cao, như: hỗ trợ xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ cao, mức hỗ trợ 40% tổng giá trị mô hình, không quá 1 tỷ đồng/mô hình; hỗ trợ 1 lần 100% kinh phí chứng nhận GAP, hữu cơ; hỗ trợ 50% kinh phí xây dựng hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; hỗ trợ 40% kinh phí áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến (không quá 20 triệu đồng/hệ thống); hỗ trợ 40% chi phí chuyển giao khoa học kỹ thuật mới, mức hỗ trợ không quá 300 triệu đồng; hỗ trợ phí thực hiện truy xuất nguồn gốc và quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, ... Doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao do UBND tỉnh công nhận được tiếp cận các chính sách hỗ trợ theo Luật Công nghệ cao và chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, như: ưu đãi tối đa về đất đai, miễn thuế xuất khẩu, nhập khẩu, giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, hỗ trợ đề tài nghiên cứu khoa học (*không quá 0,3 tỷ đồng/đề tài*), hỗ trợ thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm phục vụ áp dụng công nghệ mới, công nghệ cao, sản xuất sản phẩm mới (*không quá 01 tỷ đồng/dự án*); được hỗ trợ vay tối đa 4 tỷ đồng theo

với các bếp ăn tập thể; hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp lựa chọn địa điểm đầu tư; tổ chức, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các hoạt động giao thương trong và ngoài tỉnh; vận động các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia xây dựng liên kết.

Quyết định số 26/2025/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về điều kiện, nội dung, mức cho vay ưu đãi để thực hiện một số hoạt động cho vay tại các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đồng Nai...

- Thông qua cơ chế, chính sách, chương trình, dự án được tỉnh ban hành, trong giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã phê duyệt hỗ trợ 26 dự án/kế hoạch liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp với sự tham gia của 16 doanh nghiệp, 20 hợp tác xã, 921 trang trại và hộ nông dân tham gia liên kết, tổng kinh phí phê duyệt hỗ trợ hơn 63,8 tỷ đồng, đã giải ngân kinh phí hỗ trợ 10,3 tỷ đồng; hỗ trợ áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP) cho các tổ chức cá nhân với số tiền gần 10 tỷ đồng (*diện tích hỗ trợ hơn 2.000 ha*); dư nợ tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn đến tháng 4 đầu năm 2025 đạt 120.441 tỷ đồng, tăng 52,5% so với năm 2021, chiếm tỷ trọng 27,76% so với tổng dư nợ cho vay toàn tỉnh, trong đó có 15.639 tỷ đồng dư nợ không phải đảm bảo bằng tài sản; nhân rộng 74 mô hình ứng dụng công nghệ cao, thâm canh cây trồng chủ lực với tổng diện tích 78.255,1 ha; Trong thời gian qua đã tiếp nhận 05 đề xuất xây dựng nhãn hiệu chứng nhận của 4 đơn vị gồm: Bưởi da xanh Vĩnh Cửu, Sầu riêng Tân Phú, Bưởi da xanh Tân Phú, hồ tiêu Lâm San, Bánh sữa Long Thành; lũy kế đến ngày 30/6/2025 đã thực hiện hỗ trợ 99 đơn vị đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, như: xoài Phú Lý, sầu riêng Xuân Định, chôm chôm Bảo Hòa, bưởi da xanh Ba Dầu, khô qua rừng Hiệp Vân, các sản phẩm chế biến từ sen của HTX Trường Phát...

- Hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực nông nghiệp luôn được chú trọng. Giai đoạn 2021 – 2025 UBND tỉnh đã phê duyệt 33 nhiệm vụ KHCN lĩnh vực nông nghiệp, đến ngày 30/6/2025 đã tổng kết nghiệm thu 06 nhiệm vụ cấp tỉnh và cơ sở, tiếp tục triển khai 06 đề tài, dự án KHCN lĩnh vực nông nghiệp⁵. Trong đó tập trung vào các hoạt động nghiên cứu xây dựng các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh gắn với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững của ngành. Hàng năm, ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức Hội nghị “Kết nối ý tưởng khởi nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp lĩnh vực nông nghiệp”, thông qua Hội thảo đã hỗ trợ kết nối các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân với các chuyên gia của trường đại học, các sở ngành để tìm hiểu, kết nối thông tin khoa học kỹ thuật, công nghệ ứng dụng vào sản xuất.

- Ứng dụng chuyển đổi số, phát triển kinh tế số trong lĩnh vực nông nghiệp được tập trung triển khai thực hiện; hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư nâng cấp, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, phân tích, chia sẻ cơ sở dữ liệu ngành nông nghiệp có nhiều chuyển biến, quản lý vận

⁵ Đề tài: Nghiên cứu thiết kế, lắp đặt hệ thống thiết bị tự động phát hiện sớm và truyền tin cháy rừng cho các khu vực có nguy cơ cháy cao; Nghiên cứu biện pháp kỹ thuật sản xuất rau cần nước đạt chuẩn VietGAP tại xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất; Nghiên cứu mô hình trồng thử nghiệm nấm Linh chi dưới tán rừng trồng Keo lai; Ứng dụng TBKT XD mô hình thâm canh cây bưởi da xanh và sầu riêng đạt chứng nhận VietGap tại huyện Tân Phú; Xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để phát triển sản xuất hồ tiêu bền vững đạt tiêu chuẩn GLOBAL G.A.P. tại huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai; Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật xây dựng mô hình ghép chuyển đổi nhanh giống xoài Bưởi sang một số giống xoài chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu ở huyện Xuân Lộc.

hành hiệu quả đối với 27 phần mềm/cơ sở dữ liệu hiện có, được tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý, nhất là 02 dự án có ứng dụng công nghệ thông tin liên quan đến quản lý trang trại chăn nuôi và truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật. Ngoài ra, xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu, thiết kế và đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa, website cho Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây.

c) Về kết quả, thực trạng ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp

- *Trồng trọt*: 100% diện tích trồng mới và tái canh đã sử dụng các giống mới, giống có chất lượng cao, giống xác nhận; ứng dụng hệ thống tưới nước tiết kiệm trên cây trồng với diện tích 59.754 ha, chiếm 31,27% diện tích sản xuất nông nghiệp chủ lực của tỉnh, tăng 2.118 ha so với năm 2021; 10 cơ sở sản xuất giống chuối cây mô, trong đó 06 cơ sở có phòng nuôi cây mô với tổng sản lượng khoảng 7,5 triệu cây giống/năm; 4263,5 ha cây trồng chủ lực của tỉnh đạt chứng nhận sản xuất nông nghiệp tốt, tăng 2.628,5 ha so năm 2021; thiết bị bay không người lái phun thuốc đối với diện tích lúa, chuối, sầu riêng được nhiều HTX và THT ứng dụng trong thực hiện dịch vụ về bảo vệ thực vật cho nông dân; 100% diện tích lúa được thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp, ứng dụng máy thu hoạch đối với bắp cây, bắp lấy hạt và đậu các loại; 149 ha cây trồng ứng dụng công nghệ nhà màng, nhà lưới; bước đầu ứng dụng công nghệ Internet vạn vật (IoT), thực hiện giám sát và điều khiển các thông số tiểu khí hậu trồng trọt như nhiệt độ, độ ẩm tương đối của không khí, ánh sáng, dinh dưỡng từ xa bằng điện thoại thông minh hay máy tính. Xu hướng hữu cơ hóa chiếm ưu thế, nhất là phân bón: tỷ lệ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật sinh học chiếm 41,19% tổng lượng thuốc bảo vệ thực vật; tỷ lệ sử dụng phân bón hữu cơ đạt 82,3% gồm hai nhóm: (i) phân bón hữu cơ, phân bón sinh học thương mại chiếm 9,7% và (ii) phân bón hữu cơ không thương mại chiếm 72,6%.

- *Chăn nuôi*: 65% đàn heo, đàn gà được chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao⁶. Khoảng 27,5% trang trại chăn nuôi sử dụng chuồng lạnh; duy trì 04 vùng an toàn dịch bệnh cấp huyện và 44 vùng ATDB cấp xã đối với bệnh Cúm gia cầm và Newcastle và 09 vùng ATDB với bệnh dại; 374 cơ sở được công nhận an toàn dịch bệnh còn hiệu lực; 110 trang trại, 03 tổ hợp tác chăn nuôi đạt chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAHP, cung cấp ra thị trường 86,6 ngàn tấn thịt heo/năm (*chiếm 17,88% sản lượng thịt heo*), 30,38 ngàn tấn thịt gà/năm (*chiếm 19,05% sản lượng thịt gà*), 226,73 triệu quả trứng/năm (*chiếm 17,09% sản lượng trứng gà toàn tỉnh*). Ứng dụng công nghệ chuỗi khối trong quản lý dữ liệu chăn nuôi (*1.758 trang trại đăng ký khai báo và được xác nhận thông tin trên phần mềm Te-Food*); 1.187 cá nhân, tổ chức thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm chăn nuôi⁷; 02 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi. Ứng dụng chế phẩm sinh học trong chăn nuôi giúp cải thiện tiêu hóa, tăng cường sức đề kháng cho vật nuôi và xử lý môi trường, giảm mùi hôi, khí độc trong chuồng nuôi, xử lý chất thải hữu cơ trong chăn nuôi làm phân bón sử dụng cho cây

⁶ Chăn nuôi công nghệ cao: quy mô 1,54 triệu con heo, 13,8 triệu con gà.

⁷ 04 siêu thị, 34 cửa hàng tiện lợi, 11 chợ, 40 cơ sở giết mổ heo, 123 thương nhân thu mua heo, 783 cơ sở chăn nuôi, 06 cơ sở thu gom, 07 cơ sở bán si, 04 bếp ăn tập thể khu công nghiệp, 175 bếp ăn trường học.

trồng. Công nghệ xử lý nước thải chăn nuôi bằng phương pháp lý - sinh - hóa kết hợp được ứng dụng rộng rãi, đặc biệt trong xử lý nước thải chăn nuôi heo. Trong chẩn đoán, xét nghiệm, ứng dụng phương pháp Elisa, Realtime PCR để xét nghiệm các mẫu huyết thanh, bệnh phẩm phục vụ cho công tác phòng chống dịch bệnh, trong năm 2023 đã thực hiện xét nghiệm hơn 80,5 ngàn mẫu và sử dụng 100 KIT test nhanh để kiểm tra chất cấm Salbutamol.

- *Thủy sản*: mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng ứng dụng công nghệ cao (CPF Combine) tại huyện Nhơn Trạch tiếp tục được nhân rộng với quy mô 171 ha, tăng 30 ha so với năm 2021 (lợi nhuận bình quân khoảng 600 - 800 triệu đồng/ha/năm), trong đó áp dụng chế phẩm sinh học để kiểm soát các yếu tố môi trường nuôi, hệ thống nano oxy để nuôi siêu thâm canh (mật độ cao), hệ thống xử lý chất thải ao nuôi, kết hợp sử dụng cho ăn bán tự động,... Duy trì 14 vùng nuôi thủy sản đạt chứng nhận VietGAP với quy mô 401,75 ha và 80.788 m³ lồng/bè, tổng sản lượng 15.695 tấn cá, tôm các loại/năm; 832,5 ha diện tích thủy sản thâm canh (tôm, cá). Toàn tỉnh có 14 doanh nghiệp sản xuất chế phẩm sinh học dùng trong nuôi trồng thủy sản. Công nghệ sinh xử lý môi trường nuôi thủy sản giúp giảm chi phí, dịch bệnh, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng và bảo vệ môi trường sinh thái theo hướng phát triển bền vững.

- *Lâm nghiệp*: toàn tỉnh có hơn 2.100 ha rừng trồng sản xuất kinh doanh gỗ lớn, 10.666 ha rừng đạt chứng nhận FSC gắn với thực hiện liên kết sản xuất, thu mua, chế biến gỗ, tăng 3.600 ha so với năm 2021; khoảng 200 doanh nghiệp chế biến gỗ sử dụng hệ thống máy điều khiển số độ chính xác cao (máy CNC); 02 cơ sở ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất giống keo lai với quy mô sản xuất 25 triệu cây giống/năm.

d) Một số mô hình ứng dụng công nghệ cao tiêu biểu

Các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân đã chủ động ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng sản phẩm. Toàn tỉnh hình thành 419 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao⁸ với 3.735 ha cây trồng, 704 ngàn con heo/năm, 14,5 triệu con gà/năm (*gần 63,77% mô hình CNC lĩnh vực chăn nuôi - Chi tiết các mô hình tại Phụ lục VIII đính kèm*). Loại hình công nghệ cao được ứng dụng nhiều hiện nay, như: công nghệ tưới tự động, bán tự động; áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); sản xuất trong nhà lưới, nhà màng; trồng cây trên giá thể; công nghệ chuồng lạnh kết hợp chăn nuôi bán tự động và công nghệ nuôi tôm siêu thâm canh. Một số mô hình nổi bật, như:

- Mô hình chăn nuôi gà của Công ty TNHH Trịnh Đăng Khôi (*áp Cây Xoài, xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu*) quy mô 200.000 gà đẻ thương phẩm, sử dụng hệ thống điều khiển tự động trong khâu: cho ăn, vận chuyển phân, theo dõi nhiệt độ, ánh sáng, phân loại đóng gói trứng; phụ phẩm trong chăn nuôi của trang trại được sản xuất phân hữu cơ và được cấp phép lưu hành tại Việt Nam.

- Mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị khép kín từ sản xuất con giống - thức ăn - giết mổ - chế biến - tiêu thụ của Công ty TNHH Koyu &

⁸ Cẩm Mỹ 43 mô hình; Xuân Lộc 111 mô hình; Long Khánh 18 mô hình; Thống Nhất 13 mô hình; Định Quán 32 mô hình; Tân Phú 73 mô hình; Trảng Bom 53 mô hình; Vĩnh Cửu 31 mô hình; Long Thành 40 mô hình; Nhơn Trạch 2 mô hình; Biên Hòa 2 mô hình.

Unitek (*thành phố Biên Hòa*): xây dựng quy trình kiểm soát nghiêm ngặt theo tiêu chuẩn GMP, HACCP, FSSC 22000 theo yêu cầu của Nhật Bản; bình quân mỗi tháng, doanh nghiệp giết mổ từ 750 - 800 ngàn con và xuất khẩu 250 - 300 tấn thịt gà chế biến sang thị trường Nhật Bản.

- Mô hình sản xuất rau, dưa lưới công nghệ cao của Công ty TNHH Đầu tư sản xuất phát triển nông nghiệp WinEco – Chi nhánh tại Đồng Nai với quy mô 83,9 ha, có quy trình kiểm soát chất lượng sản phẩm chặt chẽ và xây dựng được hệ thống tiêu thụ chủ động, ứng dụng nhà kính, hệ thống tưới công nghệ Israel.

- Mô hình sản xuất dưa lưới và rau các loại của Công ty TNHH Trang trại Việt tại huyện Xuân Lộc, diện tích 3 ha với 36 nhà màng; các loại rau, củ quả được trồng trên giá thể, phân hữu cơ vi sinh, hệ thống tưới tự động; sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP; sử dụng ong để thụ phấn hoa và diệt trừ sâu hại; sản phẩm dưa lưới đã cấp chứng nhận OCOP 3 sao, cung cấp cho hệ thống siêu thị 60 tấn/tháng.

- Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng của Hợp tác xã DVNN Thủy sản Thành Công tại xã Phước An, huyện Nhơn Trạch với quy trình ba sạch (*nước sạch - giống sạch - đáy ao sạch*), quy trình nuôi theo hình thức 3 giai đoạn (*cho ăn tự động, có hệ thống giám sát chất lượng nước, nhiệt độ và môi trường ao nuôi*). Hợp tác xã có 08 thành viên, diện tích nuôi 4 ha cho sản lượng thu hoạch 191 tấn/năm, tổng doanh thu hàng năm 21,2 tỷ đồng, lợi nhuận 3,5 tỷ đồng/năm.

2.2.1.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

a) Hình thành vùng NNUDCNC, khu NNUDCNC

- *Hình thành vùng NNUDCNC*: Tỉnh đã tổ chức hướng dẫn các địa phương tiêu chí xác định vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng NNUDCNC; tổ chức rà soát, tổng hợp và phối hợp tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung quy hoạch đối với vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh theo Quyết định 1862/QĐ-UBND ngày 10/10/2022 của UBND tỉnh. UBND huyện Bù Đăng triển khai thực hiện vùng sản xuất NNUDCNC trên cây sầu riêng với diện tích 300 ha (tại xã Minh Hưng 100 ha và xã Đức Liễu 200 ha) hướng đến đề nghị công nhận vùng NNUDCNC.

- *Hình thành Khu NNUDCNC*: UBND tỉnh Bình Phước đã giao Ban Quản lý Khu kinh tế chủ trì tham mưu thành lập Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) tỉnh với tổng diện tích dự kiến 248 ha, gồm hai phân khu: khoảng 68 ha tại xã Tân Thành, TP. Đồng Xoài và khoảng 180 ha tại xã Tân Hòa, huyện Đồng Phú – khu vực do Công ty TNHH MTV Cao su Bình Phước quản lý. Ban Quản lý đã khảo sát, đánh giá khu đất 180 ha và đối chiếu với quy định tại Nghị định số 10/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về Khu công nghệ cao, tuy nhiên khu vực này không đủ điều kiện để thành lập khu NNUDCNC. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã chỉ đạo tiếp tục khảo sát các vị trí khác phù hợp, đảm bảo đúng quy định pháp luật và hiệu quả đầu tư. Hiện Ban Quản lý đang phối hợp với các sở, ngành và Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam để xem xét khả năng sử dụng đất cao su cho mục tiêu phát triển khu

NNUDCNC.

Bên cạnh đó, trên cơ sở Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh về việc bãi bỏ Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 13/7/2020 của HĐND tỉnh về thành lập các Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bình Phước; UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 02/5/2025 về việc bãi bỏ các quyết định trước đó liên quan đến việc thành lập và quy định hoạt động của 03 khu NNUDCNC trên địa bàn tỉnh.

b) Xây dựng vùng nguyên liệu NNUDCNC

Các địa phương đã chú trọng phát triển NNUDCNC, hình thành các vùng sản xuất tập trung nhằm thu hút liên kết và tiêu thụ sản phẩm, cụ thể: (1) thị xã Phước Long đã hình thành vùng chuyên canh cây ăn trái gần 300 ha tại xã Phước Tín. (2) Huyện Bù Đăng hình thành 03 vùng NNUDCNC gồm: vùng trồng sầu riêng 300 ha, vùng trồng tiêu 100 ha và vùng trồng lúa 100 ha. (3) Thị xã Bình Long triển khai Dự án “chuyển đổi cây trồng kết hợp ứng dụng công nghệ cao trên cây sầu riêng Dona” tại xã Thanh Lương và phường Hưng Chiến với diện tích 3 ha. (4) Huyện Hớn Quản xác định các xã Tân Khai, Tân Quan, Tân Hiệp, Đồng Nơ, Minh Đức là vùng sản xuất NNUDCNC. (5) Huyện Bù Đốp có một số đơn vị ứng dụng NNCNC như Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Trường Tồn - xã Thiện Hưng, Công ty Thực phẩm Bình Phước - xã Phước Thiện, HTX Phước Thiện - xã Phước Thiện với tổng diện tích sản xuất 237 ha và khoảng 5,8 ha nhà lưới, nhà màng.

c) Chăn nuôi theo hướng an toàn, công nghệ cao

- *Chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao*: các trại chăn nuôi gia súc, gia cầm hiện nay chủ yếu ứng dụng công nghệ chuồng lạnh, kín trong chăn nuôi. Trong đó, chăn nuôi heo ứng dụng công nghệ cao có 291/421 trại (69% tổng số trại), chăn nuôi gia cầm ứng dụng công nghệ cao có 67/88 cơ sở (76,1% tổng số trại).

Các trại chủ yếu nuôi gia công hoặc cho các Công ty, Tập đoàn thuê chăn nuôi. Hiện có 03 nhà máy ấp trứng gia cầm (công suất 11,5 triệu con gà/tháng); 07 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi, trong đó, có 05 nhà máy thức ăn đang hoạt động (công suất khoảng 80.000 tấn/tháng) và 02 dự án sản xuất thức ăn chăn nuôi đã có chủ trương của UBND tỉnh, đang hoàn thiện các thủ tục tiếp theo; 02 nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm (công suất 36.000 - 116.000 tấn/năm).

- *Phát triển nuôi chim yến*: HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 quy định vùng nuôi chim yến trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Hiện nay, có khoảng 1.400 nhà dẫn dụ nuôi chim yến, trong đó, nhiều nhất tại thị xã Chơn Thành với 297 nhà yến (21,2%), thành phố Đồng Xoài có 271 nhà yến (19,3%), Bù Đăng có 261 nhà yến (18,6 %), Phước Long có 200 nhà yến (14,3%); còn lại, tập trung rải rác ở các huyện.

c) *Đẩy mạnh huy động nguồn lực, thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào NNUDCNC*

- UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1682/QĐ-UBND ngày 14/9/2022 về

danh mục các dự án kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2020-2030, trong đó, lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao có 01 danh mục “Các dự án NNUDCNC tỉnh Bình Phước” và cập nhật trong Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023.

- Tổ chức Diễn đàn kết nối doanh nghiệp nông nghiệp công nghệ cao EuroCham - tỉnh Bình Phước năm 2024, thu hút nhiều doanh nghiệp lớn trong nước, quốc tế; Hội nghị Doanh nghiệp và Đầu tư Ấn Độ - Việt Nam tại tỉnh Bình Phước năm 2024; Quảng bá môi trường đầu tư, các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh đến đoàn doanh nghiệp Trùng Khánh - Trung Quốc; Ký Thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Riyadh (Ả-rập Xê-út; Phối hợp với Đại sứ quán Việt Nam tại Brunei tổ chức Hội thảo “Phát triển ngành Halal tại Tứ giác tăng trưởng Brunei - Indonesia - Malaysia - Philippines (BMIP – EAGA thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn lớn của Brunei và gần 50 doanh nghiệp Bình Phước...

- Ngân hàng nhà nước Khu vực 12 và các chi nhánh ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh đã đẩy mạnh chương trình kết nối ngân hàng – doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng phục vụ sản xuất, kinh doanh. Đến 31/3/2025 dư nợ tín dụng đối với lĩnh vực sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp đến 31/3/2025 đạt 48,5 tỷ đồng.

d) Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Lĩnh vực trồng trọt: Các công nghệ được đẩy mạnh ứng dụng gồm: nhà màng, nhà lưới, sử dụng hệ thống tưới tiết kiệm, giống cây mô, Đến nay, diện tích ứng dụng cụ thể: (1) Công nghệ nhà màng, nhà lưới trồng các loại cây dưa lưới, rau, nấm với diện tích 311 ha, tập trung chủ yếu tại huyện Hớn Quản, thị xã Bình Long; (2) Công nghệ tưới (tiết kiệm, thông minh, tự động) khoảng 8.000 ha, trong đó, trên cây ăn trái 4.523 ha, cà phê 1.242 ha, hồ tiêu 2.140 ha và một số cây trồng khác; (3) Sử dụng cây giống cây mô (chuối) khoảng 1.012,41 ha. Ngoài ra, còn một số công nghệ khác như: sử dụng máy bay không người lái để phun phân thuốc, sử dụng năng lượng mặt trời để cung cấp điện cho hệ thống tưới, tưới thông minh bằng cảm biến ẩm độ đất cho cây trồng, ...

- Lĩnh vực chăn nuôi: ứng dụng công nghệ cao theo phương thức chăn nuôi chuồng kín, lạnh, tự động hóa trong khâu chăm sóc như: sử dụng máng ăn, máng uống tự động, sử dụng hệ thống phun sương làm mát, sử dụng máy điều chỉnh cảm biến nhiệt độ tạo môi trường phù hợp...

đ) Phát triển HTX NNUDCNC

Hiện toàn tỉnh Bình Phước có 96 HTX hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong đó 55 HTX đạt các tiêu chuẩn an toàn thực phẩm như VietGAP, Organic, ... Các HTX đã ứng dụng công nghệ trong quản lý, sản xuất, tiêu thụ góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Nhiều HTX trồng rau, củ, dưa lưới... đang thể hiện rõ chuyên biến tích cực trong áp dụng khoa học kỹ thuật, hiện đại hóa sản xuất. Một số HTX tiêu biểu như HTX Nông nghiệp điều hữu cơ Trảng Cỏ Bù Lạch (hơn 1.000 ha vùng nguyên liệu điều hữu cơ, cà phê sạch) và các HTX rau an toàn tại TP. Đồng Xoài với sản lượng cung cấp trên 1.800 tấn/năm.

2.2.2. Về phát triển nông nghiệp theo hướng hữu cơ

2.2.2.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

a) Về công tác quy hoạch, triển khai thực hiện quy hoạch

UBND tỉnh đã rà soát xác định không gian, định hướng các vùng sản xuất theo hướng hữu cơ theo Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030 đồng thời tích hợp vào Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 làm cơ sở kêu gọi, thu hút đầu tư. Theo đó, xác định 08 vùng đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ với quy mô 4.400 ha, chiếm 2,13% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh⁹; 23 điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhỏ lẻ ngoài vùng tập trung, đáp ứng các tiêu chí, điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Dựa trên điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng, lợi thế so sánh của từng địa phương, đã định hướng 09 loại cây trồng (*lúa, rau thực phẩm, điều, hồ tiêu, bưởi, sầu riêng, xoài, chuối, chôm chôm*), 03 đối tượng chăn nuôi (*bò, heo, gia cầm*) và một số loại thủy sản đặc hữu, bản địa để tập trung xây dựng sản phẩm đạt chứng nhận hữu cơ; đồng thời đề xuất 10 dự án đầu tư sản xuất nông nghiệp hữu cơ theo chuỗi giá trị.

- Hoạt động thu hút đầu tư được các ngành, địa phương xúc tiến gắn với định hướng vùng quy hoạch sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Qua 5 năm triển khai, toàn tỉnh có 01 doanh nghiệp, 04 hợp tác xã, 17 tổ hợp tác, 108 hộ tham gia sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ. Bên cạnh đó, đã thu hút 27 doanh nghiệp, 43 hợp tác xã và tạo điều kiện thuận lợi cho 42 tổ hợp tác cùng với 133 trang trại trồng trọt áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và tương đương; Hiện nay trên địa bàn tỉnh có 30 doanh nghiệp sản xuất phân bón, sản lượng khoảng lượng 434.187 tấn/năm (274.730 tấn phân bón vô cơ, 119.026 tấn phân hữu cơ và 40.431 tấn phân bón sinh học) và 08 nhà máy sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, sản lượng 18.913,6 tấn/năm (1.529 tấn thuốc bảo vệ thực vật sinh học và 17.384,6 tấn thuốc bảo vệ thực vật hóa học). Bên cạnh đó, năm 2023, tỉnh đã phê duyệt chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư để triển khai dự án nhà máy sản xuất phân bón hữu cơ tại xã Xuân Đông, huyện Cẩm Mỹ với tổng mức đầu tư 79 tỷ đồng.

b) Về triển khai các chính sách, chương trình, dự án thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ

Để thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ, HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành các cơ chế chính sách, chương trình, đề án, như: Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 23/4/2021 về phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 – 2025; Quyết định số 31/2021/QĐ-UBND ngày 19/7/2021 về hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp; Chương trình số 08/CTr-UBND ngày 21/7/2022 về hỗ trợ sản xuất an toàn giai đoạn 2022 –

⁹ “Đến năm 2030, tổng diện tích trồng trọt hữu cơ và hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh là 4.400 ha, chiếm 2,13% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; trong đó diện tích gieo trồng hướng hữu cơ 3.242 ha, chiếm 1,57% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh; diện tích gieo trồng hữu cơ 1.158 ha, chiếm 0,56% diện tích đất sản xuất nông nghiệp toàn tỉnh. Đàn bò 1.030 con, trong đó, hướng hữu cơ 680 con, hữu cơ 350 con; đàn heo 10.200 con, trong đó hướng hữu cơ 7.850 con, hữu cơ 2.350 con; đàn gia cầm 507.500 con, trong đó, hướng hữu cơ 375.000 con, hữu cơ 132.500 con; đàn dê 1.700 con, trong đó hướng hữu cơ 1.150 con, hữu cơ 550 con. Thủy sản nuôi theo hình thức quảng canh dưới tán rừng hướng hữu cơ với diện tích nuôi là 400 ha” – Quyết định số 2327/QĐ-UBND ngày 28/9/2024 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2030.

2025; Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2021 – 2030; 05 đề tài, dự án nghiên cứu, áp dụng công nghệ trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ¹⁰ đang trong giai đoạn tuyển chọn chủ trì thực hiện hoặc thẩm định kinh phí; biên bản thỏa thuận hợp tác giữa UBND tỉnh Đồng Nai và Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm về phát triển nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh; ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đã ký biên bản thỏa thuận về nghiên cứu, đầu tư với 02 trường đại học và 01 doanh nghiệp¹¹ có thế mạnh trong lĩnh vực phát triển nông nghiệp hữu cơ. Chính sách ưu tiên hỗ trợ các doanh nghiệp, người dân đầu tư vào sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung các nội dung như: hỗ trợ xác định diện tích đủ điều kiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ chi phí cấp Giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp với Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam và nước ngoài; hỗ trợ vật tư về sản xuất nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc và quảng cáo sản phẩm nông nghiệp hữu cơ. Các chính sách cơ bản đáp ứng nhu cầu thực tiễn sản xuất, giai đoạn 2021 - 2023 tỉnh đã bố trí từ ngân sách 19,458 tỷ đồng¹² để phân tích mẫu đất, mẫu nước làm cơ sở quản lý, bảo vệ và định hướng người dân sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, cải tạo tăng độ phì cho đất để phục vụ sản xuất nông nghiệp.

c) Về kết quả phát triển nông nghiệp hữu cơ

- Đến ngày 30/6/2025, trên địa bàn tỉnh đã hình thành 15 vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ với quy mô 1.555,2 ha¹³, một số vùng tiêu biểu như: vùng hồ tiêu tại xã Lâm San, huyện Cẩm Mỹ (300 ha); vùng lúa tại xã Phú Bình, huyện Tân Phú (168 ha); vùng lúa tại xã Sông Ray, huyện Cẩm Mỹ (50 ha); vùng nuôi thủy sản dưới tán rừng tại xã Phước An, huyện Long Thành (334 ha);... Các vùng này đã được tổ chức sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt, đạt tiêu chí vùng sản xuất nông nghiệp hướng hữu cơ theo hướng dẫn của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; có liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm; một số vùng có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP 3 sao; kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất. Trong những vùng sản xuất này, người dân đã hạn chế tối đa việc sử dụng hóa học trong canh tác, thay vào đó ứng dụng lợi khuẩn Probiotic (IMO) và nấm men rượu (MEVI) để xử lý phụ phẩm nông nghiệp tạo nguồn hữu cơ phục vụ sản xuất.

- Phát triển 09 mô hình chứng nhận sản xuất hữu cơ, diện tích 28,7 ha, bao gồm: hồ tiêu hữu cơ 3,5 ha; sầu riêng, bưởi dưa hấu, ổi, đu đủ 18,2 ha; ớt, rau các loại 7 ha; ngoài ra có 17,8 ha hồ tiêu, 03 ha rau đang trong giai đoạn chuyển đổi¹⁴ để chứng nhận hữu cơ. Các sản phẩm nông nghiệp đạt chứng nhận

¹⁰ Nghiên cứu, xây dựng mô hình ủ compost thông minh tái chế nguồn chất thải chăn nuôi heo thành phân hữu cơ quy mô trang trại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Nghiên cứu tận dụng phụ phẩm trong chế biến điều sản xuất phân hữu cơ sinh học; Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ xử lý phụ phẩm nông nghiệp để sản xuất phân hữu cơ quy mô nông hộ; Nghiên cứu ứng dụng vi sinh vật để cải thiện chất lượng đất trồng bưởi Tân Triều, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai theo hướng hữu cơ; Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm nông nghiệp nuôi ấu trùng ruồi lính đen để sản xuất protein làm thức ăn chăn nuôi và phân bón hữu cơ.

¹¹ Công ty CP Quốc tế Hải Dương; Trường Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh; Đại học Nông lâm – Đại học Huế.

¹² 4,2 tỷ đồng theo Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ; 14,1 tỷ đồng theo Dự án đánh giá chất lượng đất sản xuất nông nghiệp để có biện pháp cải tạo; 1,158 tỷ đồng theo Dự án đánh giá chất lượng lý hoá đất trồng lúa để có biện pháp bảo vệ.

¹³ Cẩm Mỹ 3 vùng, Tân Phú 2 vùng, Long Thành 1 vùng, Nhơn Trạch 3 vùng, Vĩnh Cửu 3 vùng, Xuân Lộc 3 vùng.

¹⁴ Tiêu chuẩn hữu cơ Việt Nam – TCVN11041-2:2017 quy định: giai đoạn chuyển đổi áp dụng một phần hoặc toàn bộ diện

hữu cơ được tiêu thụ tốt, giá bán cao hơn giá sản phẩm thông thường từ 10-15%.

- Công tác xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ và sử dụng chế phẩm IMO được thực hiện và chuyển giao rộng rãi trên địa bàn tỉnh. Đến ngày 30/6/2025 có 124 mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ, với quy mô 1.242 ha cây ăn quả, rau màu, tăng 1.000 ha so năm 2021 (*01 mô hình doanh nghiệp, 3 mô hình HTX, 120 mô hình tổ hợp tác và hộ sản xuất*) – *Chi tiết các mô hình sản xuất hữu cơ theo Phụ lục IX đính kèm*. Trong đó 01 mô hình lúa tại huyện Cẩm Mỹ (5,2 ha) và 02 mô hình chăn nuôi heo tại huyện Định Quán (quy mô 10 heo nái, khoảng 200 heo thịt/năm/hộ) được hình thành trên cơ sở người dân liên kết với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quế Lâm thực hiện theo Chương trình phối hợp giữa công ty và UBND tỉnh Đồng Nai. Ứng dụng chế phẩm IMO (vi sinh vật bản địa) ủ phân hữu cơ, giúp cho nông dân giảm chi phí đầu vào trong sản xuất do thực hiện hiệu quả trong việc tận dụng được các phế phụ phẩm nông nghiệp; tạo men IMO để sử dụng ủ phân chuồng, phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón; sử dụng ngâm với các sản phẩm sản phẩm khác, như: ớt, xả, gừng, tỏi,... làm thuốc bảo vệ thực vật; sử dụng IMO xử lý cá, phụ phẩm từ cá, đậu nành để làm phân đạm tự nhiên.

d) Một số mô hình tiêu biểu

- Mô hình trồng rau của HTX Nông trại Dốc Mơ tại xã Gia Tân 3, huyện Thống Nhất: quy mô 16 ha sản xuất theo hướng hữu cơ trong đó 0,5 ha sản phẩm rau được chứng nhận hữu cơ. HTX đầu tư thiết bị công nghệ chế biến để nâng cao giá trị, sản phẩm được tiêu thụ qua dịch vụ du lịch của hợp tác xã.

- Mô hình sản xuất cây ăn trái của HTX sản xuất, thương mại và dịch vụ Tâm Minh Quang xã Tân An, huyện Vĩnh Cửu: 35 ha sản xuất theo chuẩn hữu cơ, trong đó 15 ha được chứng nhận hữu cơ, gồm các sản phẩm bưởi, dưa hấu, ổi, đu đủ; sản lượng trên 100 tấn/năm.

- Mô hình sản xuất ớt hữu cơ của HTX cây giống Bon sai Long Phước, huyện Long Thành: diện tích sản xuất ớt đạt chứng nhận hữu cơ với quy mô 01 ha, sản phẩm ớt tươi của HTX đang xuất khẩu đi Đức, Pháp, Canada.

2.2.2.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

Diện tích sản xuất sạch toàn tỉnh là 14.072 ha, trong đó 3.570 ha đạt chứng nhận hữu cơ, cụ thể các loại cây trồng như sau:

- Đối với cây điều: Diện tích sản xuất sạch 6.628 ha, chiếm 4,5% diện tích điều toàn tỉnh, tập trung ở các huyện: Bù Gia Mập 2.120 ha, Bù Đăng 2.500 ha, Đồng Phú 775 ha ... Diện tích sản xuất đạt chứng nhận hữu cơ Mỹ/EU là 3.500 ha.

- Đối với cây hồ tiêu: Diện tích sản xuất sạch 2.535 ha, chiếm 20,7% diện tích hồ tiêu toàn tỉnh, trong đó có 65 ha được chứng nhận hữu cơ theo tiêu chuẩn Mỹ/EU (0,5%). Diện tích hồ tiêu sạch được tập trung chủ yếu trên địa bàn các huyện: Lộc Ninh, Bù Đốp, Hớn Quản, Bù Đăng và Bù Gia Mập. Hiện nay, đang duy trì 38 câu lạc bộ hồ tiêu bền vững với gần 2000 nông hộ tham gia, sản lượng đạt 3.500-4.000 tấn/năm.

- Đối với cây ăn quả: Diện tích sản xuất sạch 4.500 ha, chiếm 23,6% diện

tích cây ăn quả toàn tỉnh. Trong đó, cây sầu riêng 2.412 ha, chuối 1.121 ha, mít 97 ha, nhãn 25 ha và bơ 164 ha, Thanh Long 14 ha... Hầu hết các mô hình sản xuất theo hướng hữu cơ đã đem lại hiệu quả kinh tế, được thị trường ưa chuộng hơn so với sản xuất thông thường.

- Đối với cây rau, lúa: Diện tích sản xuất sạch 400 ha, chiếm 3%. Trong đó, lúa khoảng 100 ha, tập trung tại các huyện: Lộc Ninh, Hớn Quản, Bù Đăng, Bù Đốp; rau khoảng 300 ha, có 05 ha đạt chứng nhận hữu cơ.

2.2.3. Về phát triển công nghiệp chế biến sâu nông sản

2.2.3.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

a) Kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển công nghiệp chế biến nông sản

Hoạt động chế biến nông sản trên địa bàn tỉnh tiếp tục tập trung vào một số ngành hàng có thể mạnh, như: chế biến các sản phẩm từ thịt (*giò chả, thịt nguội, jambon, xông khói, pate, xúc xích...*), sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc từ thực vật (*chế biến cà phê, hạt điều, hạt tiêu; sấy rau, củ, quả, trái cây*). Toàn tỉnh có 43 cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm đang hoạt động (*40 cơ sở thuộc mạng lưới cơ sở giết mổ động vật tập trung; 03 cơ sở giết mổ tạm thời*) với công suất bình quân mỗi ngày 50 con trâu, bò, 2.000 con heo, 37.000 con gà; 47 cơ sở sơ chế, chế biến thịt heo, thịt gà với quy mô khoảng 70 ngàn tấn thành phẩm/năm (*tương đương 100 ngàn tấn nguyên liệu*); 130 cơ sở nhỏ lẻ chế biến các sản phẩm từ thịt như giò chả, nem chua, chà bông chế biến bằng phương pháp thủ công; 97 doanh nghiệp sơ chế, chế biến sản phẩm có nguồn gốc thực vật¹⁵; 04 doanh nghiệp chế biến thủy sản; khoảng 87.000 m³ kho lạnh bảo quản sản phẩm nông nghiệp; 1.454 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất chế biến gỗ, sản phẩm đồ gỗ; ngành gỗ nằm trong nhóm 04 mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của tỉnh; Đồng Nai hiện có giá trị xuất khẩu ngành gỗ lớn thứ 2 cả nước sau Bình Dương, ngành gỗ tỉnh Đồng Nai đã và đang thực hiện nhiều dự án về gỗ kỹ thuật, xác định xu hướng phát triển bền vững trong ngành gỗ và tiềm năng thị trường cho sản phẩm gỗ kỹ thuật trong tương lai,... phấn đấu đạt mục tiêu 2 tỷ USD trong năm 2025.

Nhằm thúc đẩy công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản phát triển, tỉnh ban hành một số cơ chế, chính sách, chương trình, như: mạng lưới cơ sở giết mổ tập trung trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030¹⁶; Đề án sản xuất, chế biến lâm sản bền vững đến năm 2025, định hướng đến năm 2030¹⁷; chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ xây dựng 02 Cụm công nghiệp chế biến nông sản tại huyện Định Quán, Cẩm Mỹ, đến ngày 30/6/2025 Cụm công nghiệp Phú Túc, huyện Định Quán (50 ha) đang thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ (57 ha) đang thực hiện thủ tục đấu giá quyền sử dụng đất để lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng dự án¹⁸. Ngoài ra, tỉnh

¹⁵ 18 doanh nghiệp sơ chế, chế biến cà phê, 25 doanh nghiệp sơ chế, chế biến điều và 23 doanh nghiệp sơ chế, chế biến trái cây.

¹⁶ Tại Quyết định số 653/QĐ-UBND ngày 25/02/2021 và Quyết định số 2018/QĐ-UBND, ngày 09/7/2024 của UBND tỉnh Đồng Nai.

¹⁷ Tại Quyết định số 1379/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh

¹⁸ Đối với cụm công nghiệp Phú Túc, huyện Định Quán: ngày 18/4/2022, UBND tỉnh đã phê duyệt dự án Đường nối Cụm công nghiệp Phú Túc đi Tỉnh lộ 763, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tại Quyết định số 957/QĐ-UBND. Đến ngày 30/6/2025 công tác bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng dự án cụm công nghiệp Phú Túc đã chi trả được cho 44/46 hộ dân, với tổng số tiền là 53,6 tỷ đồng tương ứng với diện tích giải tỏa 44,13 ha, còn lại 02 hộ dân chưa đồng ý nhận tiền bồi

đang triển khai chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây (giai đoạn 2) tại huyện Thống Nhất, với định hướng kết nối với các vùng nguyên liệu thực phẩm an toàn trong và ngoài tỉnh, đồng thời bổ sung thêm sản phẩm chăn nuôi, thủy sản; xây dựng kêu gọi đầu tư các dự án phát triển hạ tầng sơ chế, chế biến, đóng gói nông sản gắn với các vùng sản xuất tập trung đối với sản phẩm cây ăn quả chủ lực của tỉnh, đầu tư các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm gắn với các vùng chăn nuôi tập trung. Các dự án đầu tư đã được cụ thể hoá trong Quy hoạch tỉnh Đồng Nai và các Phương án phát triển ngành, lĩnh vực để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh.

b) Ứng dụng KHCN vào công nghiệp chế biến sâu nông sản

- Về đổi mới công nghệ, đào tạo nhân lực: các doanh nghiệp đã tập trung đầu tư, đổi mới công nghệ, chú trọng áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật tiên tiến, ngày càng đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn thực phẩm đối với các thị trường yêu cầu cao. Hiện có 62 doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến như HACCP, ISO 22000, FSSC 22000, IFS Food ... tăng 22 doanh nghiệp so với năm 2021. Các doanh nghiệp chế biến quy mô lớn chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, tay nghề cao để ứng dụng khoa học, kỹ thuật vào sản xuất.

- Về quy mô doanh nghiệp, trình độ công nghệ:

Đa số doanh nghiệp chế biến nông lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh có quy mô vừa và nhỏ; cơ sở chế biến của nhiều ngành hàng với thiết bị đơn giản, thủ công. Trình độ công nghệ chế biến của ở mức trung bình, trừ một số ngành hàng có công nghệ và thiết bị chế biến hiện đại như: chế biến hạt điều (máy bắn màu, máy dò loại bỏ kim loại và tạp chất), cà phê (sấy lạnh, sấy phun).

Đối với sản phẩm cà phê, nhân hạt điều, hạt tiêu chủ yếu là sơ chế, phân loại, một số ít doanh nghiệp sản xuất cà phê rang, xay, hạt điều rang muối, sản xuất tiêu sọ.

Các loại trái cây chủ yếu được sấy khô, sấy dẻo; riêng chuối và sầu riêng là ngành hàng có giá trị kinh tế cao, tuy nhiên chủ yếu là sơ chế, phân loại và đóng gói tiêu thụ tươi.

Sản phẩm chế biến nông nghiệp có giá trị gia tăng thấp, chiếm khoảng 75%; sản phẩm chế biến có giá trị gia tăng cao chỉ chiếm khoảng 25%. Phần lớn các sản phẩm nông, lâm, thủy sản chế biến được xuất khẩu ở dạng sơ chế nên giá trị nông sản thường thấp hơn so với sản phẩm cùng loại ở các nước khác.

Nông sản chế biến sâu, giá trị gia tăng cao hầu hết được sản xuất tại các doanh nghiệp FDI do những doanh nghiệp này có tiềm lực về tài chính, công nghệ tiên tiến, trang thiết bị hiện đại; chủng loại sản phẩm đa dạng như thịt

thường với tổng diện tích 4,2 ha. Hiện nay, UBND huyện Định Quán tiếp tục thực hiện công tác vận động 01 hộ nhận tiền bồi thường hỗ trợ bàn giao mặt bằng, trường hợp 02 hộ dân không đồng thuận sẽ củng cố hồ sơ pháp lý, thực hiện cưỡng chế thu hồi đất theo quy định.

Đối với cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ: ngày 21/12/2021, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 5145/QĐ-UBND về việc đấu giá quyền sử dụng đất Cụm công nghiệp Long Giao, diện tích khoảng 55,9 ha tại thị trấn Long Giao và xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ. Ngày 11/5/2022 UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch số 105/KH-UBND về kế hoạch đấu giá quyền sử dụng đất năm 2022, trong đó có cụm công nghiệp Long Giao. Ngày 21/10/2022, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2864/QĐ-UBND về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500. Ngày 12/9/2023, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2174/QĐ-UBND về việc đấu giá quyền sử dụng đất (thay thế Quyết định số 5145/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh) và Quyết định số 2175/QĐ-UBND ban hành phương án đấu giá quyền sử dụng đất.

nguội, jambon, xông khói, pate, xúc xích, cà phê hòa tan, cà phê sấy lạnh,... của Công ty Nestlé Việt Nam, Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam, Công ty TNHH Koyu &Unitek.

- Về công nghệ bảo quản: đa số cơ sở vật chất phục vụ lưu trữ, bảo quản ở mức trung bình, chỉ đáp ứng đủ nhu cầu cơ bản của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp chế biến cà phê, hạt điều, hồ tiêu, chủ yếu dùng phương pháp bảo quản thoáng, thông gió. Các doanh nghiệp sấy trái cây dùng kho đông lạnh để bảo quản nhân thịt trái cây sau khi sơ chế. Thành phẩm được bảo quản trong phòng kín thông gió.

c) Thu hút đầu tư công nghiệp chế biến nông sản và cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp chế biến

Hiện nay Trung ương và tỉnh Đồng Nai chưa có chính sách riêng để thu hút đầu tư lĩnh vực chế biến, bảo quản thực phẩm nông lâm thủy sản. Các nội dung hỗ trợ được lồng ghép trong Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Thủ tướng về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị quyết số 143/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; chính sách về hỗ trợ Khuyến công. Trong giai đoạn 2021-2025, đã hỗ trợ cho 10 cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng máy móc thiết bị tiên tiến trong sản xuất cơ khí, chế biến thực phẩm, may công nghiệp với tổng kinh phí hơn 2,74 tỷ đồng.

2.2.3.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

Trong lĩnh vực sơ chế biến, bảo quản sau thu hoạch, tỉnh đã hỗ trợ và hướng dẫn 03 doanh nghiệp (Công ty TNHH Ba Đảo, Công ty TNHH Đầu tư thương mại Trường Thịnh Phát, Công ty TNHH Minh Hang) xây dựng nhà máy sơ chế, chế biến sâu riêng; đồng thời hỗ trợ mô hình máy rang cà phê cho HTX Cà phê nguyên chất Bù Đốp. Ngoài ra, hỗ trợ xây dựng 03 nhà kho cho các HTX Nông, lâm nghiệp - Dịch vụ Phương Nghĩa, HTX Bưởi da xanh Đa Kia, HTX Dịch vụ kiêu mới Bình Thắng; hỗ trợ nhà kho cho HTX Nông, lâm nghiệp Đăk Mai và máy xay xát gạo cho HTX gạo Sóc Nê.

Về doanh nghiệp chế biến, Công ty TNHH Chế biến gia vị Nedspice đã xây dựng nhà máy thu mua, chế biến tiêu với sức chứa 10.000 tấn; toàn tỉnh có 399 cơ sở chế biến điều áp dụng các tiêu chuẩn quản lý chất lượng tiên tiến như GMP, HACCP, ISO 22000. Ngoài ra, có 02 nhà máy giết mổ và chế biến gia súc, gia cầm của Công ty TNHH CPV Food và Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam.

2.2.4. Về phát triển dịch vụ nông nghiệp

2.2.4.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

a) Thu hút đầu tư phát triển dịch vụ nông nghiệp

Để thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển dịch vụ nông nghiệp, công tác cải cách hành chính, nhất là các thủ tục hành chính trong thời gian qua có nhiều chuyển biến tích cực. Đến thời điểm hiện tại tất cả hồ sơ thủ tục hành chính Ngành nông nghiệp đã được tiếp nhận hồ sơ và giải quyết hoàn toàn trên môi trường mạng (trừ 4 thủ tục hành chính đặc thù liên quan đến kiểm dịch thực vật và xác nhận bằng kê lâm sản) 100% kết quả giải quyết thủ tục được đồng bộ về

tài khoản người nộp. Tính từ 01/1/2021 đến 01/6/2025 lĩnh vực Nông nghiệp đã tiếp nhận và giải quyết 8.348 hồ sơ thủ tục hành chính. Việc thực hiện số hóa thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, bảo đảm tính minh bạch và thuận tiện trong việc tra cứu, sử dụng, giảm chi phí đi lại của doanh nghiệp...

Hàng năm, tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên môn về phân bón, thuốc bảo vệ thực vật cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp trên địa bàn.

b) Tình hình cung ứng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất nông lâm thủy sản

Vật tư nông nghiệp cơ bản đáp ứng nhu cầu cung ứng cho người sản xuất. Hiện trên địa bàn tỉnh toàn tỉnh có 2.086 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp¹⁹, tăng thêm 335 doanh nghiệp, cơ sở so với năm 2021 (*Chi tiết tại Phụ lục X kèm theo*), cụ thể:

- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi: toàn tỉnh có 630 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây trồng, vật nuôi và giống lâm nghiệp (*48 doanh nghiệp, 582 hộ kinh doanh*), tăng 9,75% so với năm 2021, với sản lượng hàng năm cung ứng ra thị trường hơn 10,579 ngàn tấn hạt giống, 5,6 triệu cây giống nông nghiệp, 230 triệu cây giống lâm nghiệp, 4,7 triệu con heo, 300 triệu con gà, 100 triệu con vịt giống, 72 triệu con giống cá, tôm các loại. Trong đó: 36 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi²⁰, chủ yếu là heo, gia cầm, dê,...; 140 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cây lâm nghiệp, chủ yếu là keo lai, riêng Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh hàng năm cung cấp ra thị trường hơn 1,3 triệu cây giống lâm nghiệp các loại; 422 cơ sở sản xuất giống cây nông nghiệp với nhiều giống chất lượng, như: Sầu riêng Dona, các dòng ca cao giống, bắp lai, giống rau các loại,...; 32 cơ sở sản xuất, kinh doanh giống cá, tôm các loại. Toàn tỉnh có 18 nguồn giống cây lâm nghiệp và 13 cây đầu dòng nông nghiệp được công nhận²¹.

- Sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV): hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc BVTV khá phát triển, với 1.359 doanh nghiệp, cơ sở, chiếm 65,15% số cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp toàn tỉnh, tăng 24,79% so với năm 2021; chủ yếu là tăng các hộ kinh doanh làm đại lý, nhà phân phối (*tăng 270 cơ sở*). Trong đó, có 38 doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI sản xuất phân bón, thuốc BVTV phục vụ trong nước và xuất khẩu.

- Sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thủy sản: toàn tỉnh có 97 doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, tăng 09 doanh nghiệp so với năm 2021 (*chăn nuôi 51 doanh nghiệp, tăng 5 DN; thủy sản 46 doanh nghiệp, tăng 4 DN*). Hàng năm, cung ứng ra thị trường hơn 4,18 triệu tấn sản phẩm, với nhiều doanh nghiệp lớn như: CP Việt Nam, De Heus,... Các sản phẩm thức ăn chăn nuôi đều thực hiện công bố hợp chuẩn, hợp quy theo quy định.

¹⁹ 296 doanh nghiệp, 1.790 hộ kinh doanh

²⁰ 28 doanh nghiệp, 8 hộ kinh doanh

²¹ Trồng trọt có 13 cây đầu dòng: măng cầu ta (xã Phú Ngọc huyện Định Quán và xã Xuân Tâm huyện Xuân Lộc), bơ (xã Xuân Bảo, Bảo Bình huyện Cẩm Mỹ, phường Bàu Sen TP. Long Khánh), sầu riêng (xã Xuân Quế huyện Cẩm Mỹ, phường Xuân Bình TP. Long Khánh), điều (xã Hưng Thịnh, Đồng Hòa huyện Trảng Bom) và 7 vườn đầu dòng sầu riêng (phường Xuân Bình TP. Long Khánh), ca cao (xã Phú Hòa, huyện Định Quán), điều (xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom) trên địa bàn các huyện Xuân Lộc, Định Quán, Cẩm Mỹ, Trảng Bom và TP. Long Khánh. 13 vườn cây đầu dòng keo lai; 01 vườn giống keo tai tượng; 04 rừng giống chuyển hóa từ rừng trồng.

- Dịch vụ cơ giới hóa trong nông nghiệp phát triển mạnh: toàn tỉnh có khoảng 257.477 máy móc, thiết bị máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp lâm thủy sản; trong đó các loại máy chủ yếu được sử dụng rộng rãi như: máy cày, máy kéo, máy gặt đập liên hợp, máy phun thuốc, máy xay lúa, hệ thống cho ăn tự động, bán tự động.... Cơ giới hóa từ khâu làm đất cho đến khâu thu hoạch đáp ứng cho khoảng 90% diện tích. Trong những năm gần đây, dịch vụ sử dụng máy bay không người lái để phun thuốc BVTV, bón phân qua lá và quản lý đồng ruộng đang phát triển mạnh, chủ yếu tại các vùng sản xuất tập trung đối với sản phẩm lúa, bắp, chuối, sầu riêng, cao su, tiêu biểu như huyện Tân Phú, Định Quán, Cẩm Mỹ, Thống Nhất.

c) Về hoạt động các tổ chức, đơn vị cung ứng dịch vụ nông nghiệp trên địa bàn tỉnh

Cùng với mạng lưới các doanh nghiệp, đại lý, hộ sản xuất, kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn hoạt động đảm bảo đáp ứng nhu cầu vật tư đầu vào cho sản xuất; trên địa bàn tỉnh có Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp tỉnh và 10 Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp của các huyện được thành lập và tổ chức hoạt động theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII). Sau 5 năm thành lập, các trung tâm cơ bản được tổ chức, đi vào hoạt động, thực hiện cung ứng một số dịch vụ phục vụ sản xuất nông nghiệp, chủ yếu với dịch vụ thủy lợi (*Trung tâm DVNN các huyện, thành phố quản lý 112 công trình*), cung cấp nước sạch nông thôn (*quản lý vận hành 34 công trình cấp nước sạch tập trung nông thôn*) và tư vấn kỹ thuật, mô hình trình diễn ứng dụng giống, vật tư nông nghiệp, thời gian qua các trung tâm đã tổ chức 219 lớp tập huấn về chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và các cơ chế chính sách về hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn cho 8.377 lượt nông dân; tổ chức 09 hội nghị, hội thảo chuyên đề về ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất; xây dựng và nhân rộng 142 mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ.

Gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới, trên địa bàn tỉnh hình thành 43 tổ khuyến nông cộng đồng với 529 thành viên, hoạt động trực tiếp tại các xã, chủ yếu thực hiện chia sẻ kinh nghiệm, nhân rộng mô hình, hầu hết các tổ khuyến nông cộng đồng mới thành lập nên còn bị động, lúng túng do chưa có kế hoạch, phương án hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể, chưa bố trí nơi làm việc và kinh phí hoạt động.

Các hình thức tổ chức sản xuất có nhiều đổi mới, tăng cả về số lượng và chất lượng, thúc đẩy liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm nông sản, giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh đã thành lập mới 61 hợp tác xã nông nghiệp, qua đó đã nâng tổng số HTX nông nghiệp hiện có là 207 HTX với 3.242 thành viên, 2.382 lao động; có 120 câu lạc bộ - tổ hợp tác được thành lập mới, lũy kế hiện nay toàn tỉnh có 1.092 tổ hợp tác với sự tham gia 36.508 thành viên. Hình thành mới 113 chuỗi liên kết, lũy kế đến ngày 30/6/2025, toàn tỉnh có 293 chuỗi liên kết với sự tham gia của 117 doanh nghiệp, 64 hợp tác xã, 33 câu lạc bộ - tổ hợp tác, 14.944 hộ gia đình.

Ngoài các dịch vụ cung ứng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất, các hoạt động dịch vụ nông nghiệp khác trên địa bàn chủ yếu do các tổ chức, doanh

ngiệp, cá nhân thực hiện, như: 12 tổ chức chứng nhận tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm nông nghiệp (VietGAP, GlobalGAP, Hữu cơ,...) được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận, có chi nhánh hoạt động trên địa bàn tỉnh, trong đó có 02 đơn vị tư vấn²² về sản xuất an toàn có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh; bên cạnh đó trên địa bàn tỉnh có 62 HTX Dịch vụ nông nghiệp, cung ứng các dịch vụ chủ yếu như cung ứng vật tư đầu vào, tiêu thụ sản phẩm nông sản cho các thành viên và nông dân trong khu vực sản xuất; hoạt động dịch vụ về chăm sóc vườn cây ăn trái, chích ngừa cho gia súc, gia cầm, thụ tinh nhân tạo cho vật nuôi ngày càng phát triển;... Bên cạnh đó, hệ thống các tổ chức tín dụng rộng khắp trên địa bàn tỉnh với 61 chi nhánh ngân hàng (*của 42 ngân hàng*), 232 phòng giao dịch trực thuộc và 22 chi nhánh ngân hàng cấp 2, 34 Quỹ tín dụng nhân dân, 05 chi nhánh tổ chức tài chính vi mô cho người lao động nghèo tự tạo việc làm (CEP), 01 công ty tài chính đang hoạt động đáp ứng nguồn vốn sản xuất kinh doanh trên địa bàn phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn; cùng với Quỹ Phát triển hợp tác xã, Quỹ Hỗ trợ nông dân đã đáp ứng nhu cầu vốn vay cho nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp đủ điều kiện vay vốn²³.

2.2.4.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

Kết luận số 369-KL/TU không có nhiệm vụ phát triển dịch vụ nông nghiệp.

2.2.5. Về phát triển thị trường tiêu thụ nông sản

2.2.5.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

a) Chính sách hỗ trợ phát triển thị trường nông sản

Chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại lĩnh vực nông nghiệp được triển khai thực hiện theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND ngày 30/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai về Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ Chương trình xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Đồng Nai. Ngoài ra đối với sản phẩm nông sản đã được chứng nhận sản phẩm hữu cơ sẽ được hỗ trợ theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND tỉnh về Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2030.

Việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ xúc tiến thương mại đối với sản phẩm nông sản được cụ thể hoá thông qua Chương trình xúc tiến thương mại 05 năm và hàng năm. Thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại đã hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, cơ sở sản xuất kinh doanh nông nghiệp trên địa bàn tỉnh tiếp cận và mở rộng thị trường, tiếp cận công nghệ và thiết bị tiên tiến trong sản xuất, thúc đẩy nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của các đơn vị góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

b) Hạ tầng thương mại phục vụ tiêu thụ nông sản

Toàn tỉnh có 137 chợ truyền thống đang hoạt động trong quy hoạch, gồm 91 chợ nông thôn, 46 chợ thành thị. Tổ chức xây dựng chợ kinh doanh an toàn thực phẩm với 108 chợ thành lập hoặc kiện toàn Tổ kiểm tra an toàn thực phẩm

²² Công ty TNHH Tư vấn Phát triển Nông nghiệp Bền vững; Công ty TNHH Ươm Mầm Non Việt

²³ 6 tháng đầu năm 2023, Quỹ Hỗ trợ hợp tác xã đã thực hiện giải ngân cho 168 thành viên của HTX, THT số tiền 30,760 tỷ đồng; tổng dư nợ đến ngày 31/5/2024 trên 57,39 tỷ đồng; Quỹ Hỗ trợ nông dân phát vay cho 2.936 hộ với 345 dự án nhóm hộ với tổng dư nợ 147,91 tỷ đồng.

tại chợ để kiểm soát thực phẩm tươi sống kinh doanh tại các chợ đảm bảo về nguồn gốc, đảm bảo an toàn, xử lý kịp thời các vi phạm về vệ sinh an toàn thực phẩm tại chợ; hình thành 63 điểm kinh doanh an toàn thực phẩm thí điểm tại 12 chợ (*48 điểm kinh doanh thịt, 15 điểm kinh doanh rau củ*) tại 05 địa phương là Biên Hòa, Thống Nhất, Trảng Bom, Long Khánh, Tân Phú, tuy nhiên việc kiểm soát sản phẩm đầu vào trong các chợ còn gặp nhiều khó khăn; 11 chợ đăng ký và được cấp tài khoản tham gia dự án truy xuất nguồn gốc thực phẩm thiết yếu có nguồn gốc động vật; 43 chợ có khu bán thực phẩm an toàn được đầu tư từ nguồn kinh phí của Dự án Lifesap (tuy nhiên dự án này đã kết thúc vào năm 2015). Có 285 cửa hàng tiện lợi hoặc chuyên kinh doanh lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu cửa hàng tiện lợi do doanh nghiệp đầu tư đang hoạt động.

Chợ Dầu mỗi nông sản thực phẩm Dầu Giây kể từ khi đưa vào hoạt động, đã trở thành nơi giao dịch khoảng 200 tấn nông sản mỗi ngày cho nông dân Đồng Nai và các tỉnh lân cận như Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Bình Phước, Lâm Đồng, Bình Thuận, Ninh Thuận, Thành phố Hồ Chí Minh,...; triển khai chương trình thanh toán không dùng tiền mặt thông qua tài khoản ngân hàng quét mã QR code; xây dựng hệ thống ca-bin thu phí bán tự động, cài đặt phần mềm kiểm soát các phương tiện vận tải ra vào chợ nhằm theo dõi số lượng, nguồn gốc hàng hóa nhập chợ; phối hợp với đơn vị chức năng lấy mẫu rau, củ, quả kiểm tra định kỳ 3 lần trong năm, nhằm giám sát dư lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trong quá trình canh tác đối với các mặt hàng rau, củ, quả.

Phát triển các điểm giới thiệu trưng bày sản phẩm OCOP và sản phẩm nông nghiệp. Đến ngày 30/6/2025 toàn tỉnh hình thành 9 điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP²⁴ tại huyện Cẩm Mỹ, Thống Nhất, Trảng Bom, Biên Hòa; xây dựng 34 điểm bán hàng “Tự hào hàng Việt”, tăng thêm 14 điểm so với năm 2020.

c) Kết quả xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường

Các ngành nông nghiệp, công thương thường xuyên phối hợp, kịp thời thông tin đến các hội, hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX), người dân về diễn biến thị trường nông sản trong nước cũng như quốc tế; nhu cầu nhập khẩu và các thị trường xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam để có giải pháp tổ chức sản xuất; tình hình hoạt động thông quan tại các cửa khẩu, lối mở biên giới phía Bắc, đặc biệt trong thời điểm dịch Covid-19 bùng phát đã thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận thông tin, kịp thời hướng dẫn cho nông dân sản xuất và tiêu thụ nông sản. Đồng thời tổ chức thực hiện tốt nội dung Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, các hình thức triển khai ngày càng đa dạng và chuyên nghiệp hơn, với những kết quả đạt được như sau:

- Tổ chức 48 Hội nghị kết nối giao thương trong và ngoài tỉnh cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ sản có các sản phẩm đạt chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, sản phẩm OCOP và các

²⁴ Các điểm bán hàng OCOP: KDL Thác Đá Hàn - huyện Trảng Bom; KDL Bửu Long - TP. Biên Hòa, Siêu thị Co.op Mart - Biên Hòa; Chợ Dầu mỗi Nông sản thực phẩm Dầu Giây - huyện Thống Nhất; Nhà hàng Phở Biển - TT Gia Ray, huyện Xuân Lộc; Điểm dừng chân Bò sữa Long Thành A2- Xã Xuân Tâm, huyện Xuân Lộc; Cơ sở Thành Nhân - xã Bình Minh, huyện Trảng Bom; Cơ sở SX và KD SP từ da cá sấu Hạ Vy - xã Phú Lý, huyện Vĩnh Cửu; Hộ kinh doanh Vườn hoa Bốn mùa - xã Xuân Bắc, huyện Xuân Lộc.

sản phẩm nông nghiệp có tiềm năng cung ứng cho các kênh phân phối trong nước và xuất khẩu. Thông qua hội nghị kết nối giao thương, nhiều doanh nghiệp, tổ chức đã ký hợp đồng và đưa hàng vào được các siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh. Ngoài ra khi tham gia các hội nghị kết nối giao thương ngoài tỉnh, nhiều doanh nghiệp đã mở được các đại lý, ký kết biên bản ghi nhớ với các nhà phân phối tại các địa phương.

- Tổ chức Diễn đàn “Cơ hội và thách thức phát triển ngành sầu riêng Việt Nam”; Tuần lễ trái cây và quảng bá sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm OCOP tỉnh Đồng Nai hàng năm tại thành phố Long Khánh; Lễ xuất khẩu chuối tươi, xuất khẩu sầu riêng thị trường Trung Quốc năm 2023; Hội nghị kết nối sản phẩm đạt chứng nhận an toàn thực phẩm vào các bếp ăn tập thể trong khu công nghiệp, trường học. Tại hội nghị đã có 16 bản thoả thuận hợp tác được thiết lập giữa các cơ sở sản xuất với các doanh nghiệp cung cấp suất ăn công nghiệp, bếp ăn tập thể trường học với các sản phẩm như thịt heo, bò, gà, cá, rau với sản lượng dự ước khoảng 100 tấn/tháng;... hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia các chợ giới thiệu, quảng bá sản phẩm nông nghiệp của tỉnh như: Hội chợ Triển lãm nông nghiệp quốc tế - Agroviet; Hội chợ Triển lãm giống, nông nghiệp công nghệ cao thành phố Hồ Chí Minh; Hội Chợ Công nghệ, Thiết bị và Thương mại; Hội chợ làng nghề và sản phẩm OCOP;...

- Thu thập thông tin diễn biến giá cả thị trường các mặt hàng nông sản thiết yếu trên địa bàn tỉnh, báo giá hàng ngày gửi Bộ Công Thương, UBND tỉnh, đồng gửi cơ quan báo đài tổng hợp đưa tin đến các đơn vị liên quan để nắm bắt tình hình, kịp thời điều chỉnh kế hoạch sản xuất, kinh doanh.

- Xây dựng các vùng trồng, vùng nuôi đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, quy mô sản lượng để gắn kết với công nghiệp chế biến trong nước và hướng đến thị trường xuất khẩu.

Toàn tỉnh hiện có 203 mã số vùng trồng với tổng diện tích khoảng 29.000 ha (*tăng 98 mã so với năm 2021*) và 100 cơ sở đóng gói (*tăng 61 mã so với năm 2021*) được cấp mã số để phục vụ xuất khẩu đi các thị trường như Trung Quốc, Hoa Kỳ, châu Âu, Australia, New Zealand,...; xây dựng 03 vùng nuôi tại huyện Tân Phú, Long Thành, Xuân Lộc đáp ứng điều kiện xuất khẩu; hiện tại, chuỗi sản phẩm thịt gà chế biến của Công ty TNHH Koyu & Unitek xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hồng Kông khoảng 300 tấn/tháng; hỗ trợ 151 đơn vị sản xuất, chế biến nông sản được cấp nhãn hiệu hàng hóa (*trong đó có 95 nhãn hiệu được hỗ trợ theo chương trình khoa học công nghệ*).

- Kế hoạch xúc tiến thương mại hàng năm đều đạt hoặc vượt mục tiêu đã góp phần tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước, thương mại vùng sâu vùng xa.

Nhìn chung, từ sau đại dịch Covid-19 đến ngày 30/6/2025, các mặt hàng nông sản trên địa bàn tỉnh có thị trường tiêu thụ ổn định, ngoài vấn đề chăn nuôi heo, gà gặp khó khăn trong thời gian dài do giá vật tư đầu vào tăng cao, giá bán thiếu ổn định, tuy nhiên đó có dấu hiệu phục hồi tốt vào đầu quý II/2024 đến ngày 30/6/2025. Sản phẩm trái cây có nhiều tín hiệu và chuyển biến tích cực, giá cả và thị trường tiêu thụ tốt, nhất là sự kiện sản phẩm chuối tươi, sầu riêng được xuất khẩu chính ngạch sang thị trường Trung Quốc trong năm 2023 đã tạo ra

nhiều tiềm năng, cơ hội cho nông sản Đồng Nai, tổng kim ngạch xuất khẩu 02 mặt hàng đạt mức kỷ lục, ước đạt 4,8 ngàn tỷ đồng. Tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh ước năm 2025 đạt 3,6 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm 2021²⁵, trong đó, xuất khẩu các mặt hàng rau quả đạt 230 triệu USD, tăng 48% so với năm 2021.

2.2.5.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

a) Đẩy mạnh phát triển các chuỗi sản xuất, liên kết tiêu thụ sản phẩm

Tỉnh tập trung khuyến khích doanh nghiệp tham gia sản xuất hàng hóa lớn theo chuỗi giá trị, kết quả:

- Lĩnh vực trồng trọt: đã hình thành chuỗi liên kết hồ tiêu do Công ty TNHH Chế biến gia vị Nedspice thực hiện với diện tích 2.000 ha tiêu sạch trên địa bàn các huyện, thị xã: Hớn Quản, Lộc Ninh, Bù Đốp, Phú Riềng, Bù Đăng, Bình Long. Chuỗi liên kết điều với 10 doanh nghiệp chế biến xuất khẩu tham gia liên kết với 38 đơn vị (HTX, tổ hợp tác, trang trại) trên diện tích khoảng 4.500 ha, trong đó đạt chứng nhận hữu cơ Mỹ/EU khoảng 3.500 ha.

- Lĩnh vực chăn nuôi: đã hình thành 03 chuỗi sản xuất thịt gà an toàn để xuất khẩu:

- + Chuỗi sản xuất thịt gà khép kín, an toàn dịch bệnh của Công ty TNHH CPV Food: 01 nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi (công suất 0,3 triệu tấn/năm) - 01 nhà máy ấp trứng (công suất 53,6 triệu con gà/năm), 04 trại gà giống (quy mô 150.000 con/trại) - 16 trại gà thịt (quy mô 350.000 con/lứa/trại) - 01 nhà máy giết mổ và chế biến (công suất: thịt gà 116.000 tấn/năm, thịt gà chế biến 36.000 tấn /năm).

- + Chuỗi sản xuất an toàn của Công ty TNHH Japfa Comfeed Việt Nam: đã dần hình thành các khâu trong chuỗi sản xuất: nhà máy thức ăn - trại chăn nuôi - nhà máy giết mổ và chế biến thực phẩm. Công ty có 01 nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi và 01 nhà máy giết mổ gia súc, gia cầm (hiện đang giết mổ gà phục vụ tiêu thụ nội địa).

- + Chuỗi sản xuất thịt gà của Công ty TNHH De Heus: có 07 trại chăn nuôi gà với quy mô 1.060.000 con/lứa, đang hợp tác với Công ty theo hình thức ký hợp đồng chăn nuôi bao tiêu đầu ra với giá ổn định. Các trang trại này đã được công nhận an toàn dịch bệnh và tham gia chuỗi an toàn thực phẩm của Thành phố Hồ Chí Minh.

b) Đẩy mạnh xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, phát triển tài sản trí tuệ cho sản phẩm nông nghiệp

- *Phát triển Chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu hàng hóa*: Tỉnh đã cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Bình Phước” cho 8 doanh nghiệp sản xuất hạt điều, giúp các doanh nghiệp thuận lợi hơn trong việc đưa sản phẩm vào hệ thống siêu thị, chuỗi bán lẻ lớn trong nước như BigC, Co.opmart, Aeon... và mở rộng xuất khẩu sang các thị trường quốc tế như Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan, Hàn Quốc, Trung Quốc, cũng như qua các kênh thương mại điện tử. Nhằm mở rộng bảo hộ ra thị trường quốc tế, tỉnh đã đề xuất và được Bộ Khoa học và Công nghệ chấp thuận đưa vào danh mục nhiệm vụ cấp quốc gia đề tài “Nghiên cứu quy định

²⁵ Năm 2021 đạt hơn 3 tỷ USD; năm 2022 đạt hơn 3,16 tỷ USD; năm 2023 đạt hơn 3,26 tỷ USD.

pháp luật và hỗ trợ đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý tại Trung Quốc cho sản phẩm hạt điều Bình Phước” thuộc Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030.

Về nhãn hiệu chứng nhận “Cao su Bình Phước”, đến nay việc cấp quyền sử dụng cho các đơn vị có liên quan chưa được thực hiện do các công ty cao su lớn trên địa bàn đều trực thuộc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam và đã xây dựng thương hiệu riêng theo định hướng của Tập đoàn.

Về nhãn hiệu tập thể “Gà thả vườn Thanh Lương”, “Nhãn tiêu da bò Thanh Lương”, đến nay đã có trên 70 hộ dân được cấp quyền sử dụng 02 nhãn hiệu tập thể này, trong đó sản phẩm Gà thả vườn Thanh Lương được tiêu thụ ổn định trên thị trường đem lại giá trị kinh tế cho người chăn nuôi.

Bên cạnh đó, tỉnh thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ xây dựng nhãn hiệu tập thể cho 04 sản phẩm trên địa bàn Huyện Hớn Quản (Gạo An Khương; Dưa lưới, cây có múi Tân Khai; Bưởi da xanh Tân Hiệp; Dưa lưới Tân Quan); xây dựng 6 nhãn hiệu tập thể và 6 nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm nông sản đặc trưng có thế mạnh của 03 huyện biên giới (Bù Đốp, Lộc Ninh và Bù Gia Mập).

- *Phát triển chương trình mỗi xã một sản phẩm - One commune one product (OCOP)*: Hiện nay đã có 136 sản phẩm được cấp chứng nhận OCOP đạt hạng 3 sao đến hạng 5 sao; trong đó, có 3 sản phẩm hạng 5 sao, 55 sản phẩm hạng 4 sao, 78 sản phẩm đạt hạng 3 sao với 83 chủ thể tham gia, gồm: 37 doanh nghiệp, 17 HTX, 29 hộ/cơ sở sản xuất, kinh doanh. Các sản phẩm OCOP chủ yếu là: hạt điều các loại, bánh hạt điều; hạt tiêu, bột tiêu, muối tiêu; cà phê nguyên chất, mít sấy thăng hoa, yến sào; nông sản VietGap như mít ruột đỏ, bưởi da xanh, sầu riêng ...

c) Xây dựng thị trường, kết nối tiêu thụ nông sản

- Quản lý, cấp mã số vùng trồng, mã cơ sở đóng gói: Tỉnh đã tổ chức 22 lượt hội nghị, tập huấn về mã vùng trồng cho khoảng 880 lượt nông dân tham dự. Đến nay, toàn tỉnh có 77 mã số vùng trồng xuất khẩu với diện tích 4.523 ha (*chiếm 23,7% diện tích cây ăn quả toàn tỉnh, trong đó 71,7% diện tích có chứng nhận được cấp mã số tương ứng 1.394 ha*), sản lượng khoảng 149.000 tấn/năm, chủ yếu đi thị trường Trung Quốc. Trong đó, cây chuối 7 mã số (1.120 ha), mít 3 mã số (97 ha), sầu riêng 65 mã số (2.412 ha), nhãn 01 mã số (24 ha) và bơ 01 mã số (164 ha), 01 mã số Thanh long (14 ha); 09 cơ sở đóng gói được cấp mã, công suất trung bình 40 - 160 tấn/ngày mỗi cơ sở (06 cơ sở chuối và 03 sầu riêng).

- Xúc tiến thương mại: tỉnh đã tích cực kết nối với hơn 55 cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài để hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các kênh phân phối, từng bước đưa sản phẩm đến Đại sứ quán, Lãnh sự quán Việt Nam ở các nước như Pháp, Hàn Quốc, Singapore, Ai Cập, Iran... và các thị trường Halal để trưng bày, giới thiệu tại các sự kiện kết nối giao thương, hội chợ - triển lãm nông sản, hàng hóa ở nước sở tại. Đồng thời, giới thiệu sản phẩm nông sản tỉnh nhà thông qua việc đưa doanh nghiệp tham gia nhiều chương trình xúc tiến thương mại trong nước.

Thường xuyên cập nhật thông tin thị trường, cơ hội giao thương, rào cản

thương mại để hỗ trợ doanh nghiệp, HTX giảm thiểu rủi ro trong hội nhập. Đã hỗ trợ xây dựng website thương mại điện tử cho 4 doanh nghiệp, đưa 5 doanh nghiệp lên sàn thương mại điện tử quốc tế (Alibaba.com), và 20 đơn vị tham gia các sàn trong nước như Shopee, Tiki, Postmart, . Ngoài ra, tỉnh cũng đã tổ chức thí điểm thành công Phiên chợ không dùng tiền mặt tại thị xã Bình Long năm 2024, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số và thay đổi thói quen mua sắm của người dân. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp, HTX còn được hỗ trợ tham gia trưng bày tại các sự kiện như Hội chợ trái cây và nông sản tỉnh năm 2023, 2024 và các chương trình quảng bá văn hóa ẩm thực vùng Đông Nam Bộ.

- Chuỗi sản xuất và tiêu thụ nông sản: hiện có 68 hợp tác xã (HTX) nông nghiệp tham gia sản xuất theo chuỗi giá trị, chiếm 31,34% trong tổng số 217 HTX đang hoạt động. Trong đó, 30 HTX liên kết cả đầu vào và đầu ra (24 HTX có hợp đồng liên kết với doanh nghiệp); 5 HTX liên kết đầu vào (3 HTX có hợp đồng liên kết doanh nghiệp); 33 HTX liên kết đầu ra (19 HTX có hợp đồng liên kết doanh nghiệp).

Đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực: (1) Điều: có 34 HTX với diện tích 20.509 ha, trong đó 19 HTX liên kết chuỗi với diện tích 11.719 ha. (2) Tiêu: có 9 HTX trồng tiêu, trong đó 4 HTX liên kết chuỗi với diện tích 127 ha. (3) Sầu riêng: có 34 HTX trồng sầu riêng với diện tích 2.398 ha. Ngoài ra, có 7 HTX sản xuất rau và 133 HTX còn lại hoạt động trong các lĩnh vực cây ăn trái, chăn nuôi, nông nghiệp khác thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị.

2.2.6. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ

2.2.6.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

Việc phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được quan tâm phối hợp thực hiện hiệu quả.

- Công tác tập huấn, triển khai các quy định, chính sách về sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ được các cấp, các ngành triển khai với sự tham gia của doanh nghiệp. Trong 05 năm qua, toàn tỉnh đã tổ chức 1.999 lớp tập huấn với 90.299 lượt người tham dự, tổ chức 108 hội nghị, hội thảo chuyên đề với 7.790 lượt người. Trong đó, về phát triển nông nghiệp hữu cơ cho 1.034 lượt người tham gia; 02 hội thảo cấp tỉnh về ứng dụng chế phẩm sinh học để xử lý rác thải hữu cơ trong sản xuất nông nghiệp.

- Việc phối hợp công tư trong lĩnh vực này đã được chú trọng hơn về mức độ, quy mô. Sở Nông nghiệp và PTNT phối hợp Công ty Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco chuyển giao kỹ thuật sản xuất rau công nghệ cao cho 94 cán bộ quản lý, hợp tác xã, nông dân trong hệ sinh thái của WinEco; Phối hợp với Tập đoàn Quế Lâm đào tạo, tập huấn cho 03 công chức quản lý và 02 nông dân chăn nuôi hữu cơ. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp doanh nghiệp đào tạo 30 kỹ thuật viên; hướng dẫn cho hơn 10 doanh nghiệp rà soát hệ thống quản lý chất lượng theo 07 tiêu chí của giải thưởng chất lượng quốc gia.

- Các địa phương trong tỉnh đã tổ chức đoàn học tập kinh nghiệm và mời chuyên gia tập huấn, nhân rộng mô hình ứng dụng IMO trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ – phương pháp này ngày càng được phổ biến rộng rãi trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp tại khu vực nông thôn qua đào tạo đạt 87%, tăng 18,1% so với năm 2021; tỷ lệ này tại các doanh nghiệp nông nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, trang trại ứng dụng công nghệ cao là 100% (38.133 người).

- Hợp tác quốc tế được mở rộng. Năm 2023, tỉnh đã tổ chức 02 chuyến tham quan, học tập: (1) về khoa học công nghệ, sản xuất, chế biến, tiêu thụ sầu riêng ở Thái Lan cho 20 thành viên, trong đó có 13 doanh nghiệp và hợp tác xã; (2) kinh nghiệm quản lý, tổ chức và chính sách hỗ trợ, sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại tỉnh Shiga của Nhật Bản. Qua học tập, tỉnh đang nghiên cứu triển khai áp dụng công nghệ SoFIx²⁶ (Soil Fertile Index – Chỉ số dinh dưỡng đất) - kỹ thuật phân tích SoFIx giúp đánh giá được chất lượng phân bón hữu cơ (MQI), hay nguyên liệu dùng trong nông nghiệp hữu cơ (OQI), trên cơ sở đó có thể lựa chọn nguyên liệu phù hợp để cải thiện đất nhanh chóng.

2.2.6.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

- Tỉnh đã tổ chức 41 lớp tập huấn, hội thảo cho 2.639 lượt người về kiến thức về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, sơ chế, bảo quản sau thu hoạch, liên kết tiêu thụ, quản trị HTX, chuyển đổi số, phát triển sản phẩm OCOP và các quy định liên quan đến xuất khẩu sầu riêng; tư vấn kỹ thuật cho khoảng 35.000 lượt người và triển khai 14 mô hình ứng dụng KHCN và chuyển đổi số trên cây trồng, 7 mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm tiết kiệm chi phí, bảo vệ môi trường, không sử dụng phân hóa học và tận dụng hợp lý nguồn năng lượng, đất, nước.

Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai Đề án tăng cường giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Đề án thu hút, chuyển đổi cơ cấu và nâng cao chất lượng nguồn lao động trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021- 2025, định hướng năm 2030; lồng ghép đào tạo kiến thức thị trường, kinh tế nông nghiệp, chuyển đổi số, khoa học công nghệ cho nông dân với 03 Chương trình mục tiêu quốc gia (Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Giảm nghèo bền vững và Nông thôn mới).

2.2.7. Phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái

2.2.7.1. Kết quả thực hiện của tỉnh Đồng Nai (cũ)

Kế hoạch 110-KH/TU không có nhiệm vụ phát triển mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ kết hợp đô thị sinh thái – khu dân cư – du lịch – cảnh quan.

2.2.7.2. Kết quả thực hiện của tỉnh Bình Phước (cũ)

Tỉnh tập trung phát triển mô hình liên kết giữa nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hữu cơ kết hợp đô thị sinh thái – khu dân cư – du lịch – cảnh quan tại các huyện Bù Đăng, Đồng Phú, Đồng Xoài, Chơn Thành. Đến nay đã hình thành 01 HTX du lịch sinh thái (du lịch cộng đồng) kết hợp các tour du lịch, tham quan, dã ngoại, giới thiệu các mô hình trồng cao su, điều, cây ăn trái, hoa, cây cảnh, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn huyện Đồng Phú.

3. Đánh giá chung

²⁶ Giáo sư Kubo Motoki - Đại học Ritsumeikan triển khai tại chuyến học tập mô hình

3.1. Kết quả đạt được

3.1.1. Tỉnh Đồng Nai (cũ)

Kế hoạch số 110-KH/TU được Tỉnh ủy ban hành cuối năm 2021 và bắt đầu triển khai thực hiện từ năm 2022, giai đoạn đối mặt với nhiều khó khăn, nhất là ảnh hưởng của hậu dịch Covid-19 và tác động của sự bất ổn kinh tế, chính trị thế giới. Song Thường trực Tỉnh ủy, các cấp ủy trực thuộc, Đảng ủy UBND tỉnh, Đảng đoàn, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tập trung, quyết liệt trong công tác chỉ đạo, điều hành; các ngành, chính quyền các cấp, các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân có nhiều nỗ lực cố gắng khắc phục các khó khăn, triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ, giải pháp về hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Một số kết quả nổi bật đó là:

- Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu cơ bản đáp ứng mục tiêu, lộ trình đề ra đến năm 2025. Trong đó có 08/11 chỉ tiêu đã đạt và vượt mục tiêu, đó là: Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; số mô hình ứng dụng công nghệ cao; vùng sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ; vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; mô hình đạt chứng nhận hữu cơ; Tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp sản xuất theo hình thức hợp tác, liên kết; Tỷ lệ lao động tại các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại ứng dụng CNC được đào tạo, tập huấn; Tỷ lệ hợp tác xã nông nghiệp hoạt động có hiệu quả.

- Tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất nông lâm thủy sản giai đoạn 2021 – 2025 ước đạt 3,8%/năm, mức tăng hằng năm cao hơn bình quân chung cả nước và đứng đầu so với các tỉnh khu vực Đông Nam Bộ. Với việc ứng dụng đồng bộ tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng hiệu quả, bền vững²⁷ đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp, thu nhập người dân nông thôn, giá trị sản phẩm thu hoạch trên một ha trồng trọt và nuôi trồng thủy sản đạt khoảng 160 triệu đồng/ha/năm, gấp 1,3 lần so năm 2020.

- Cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng, tăng tỷ trọng các ngành hàng, sản phẩm có giá trị kinh tế cao. Một số mặt hàng trái cây có quy mô, năng suất thuộc nhóm đầu cả nước, như: chuối 16.000 ha, xoài 11.500 ngàn ha, bưởi hơn 10 ngàn ha, sầu riêng gần 12,7 ngàn ha, heo hơn 2 triệu con, gà hơn 21 triệu con, trong đó diện tích, sản lượng chuối, bưởi đứng đầu cả nước.

- Công nghệ cao ngày càng được ứng dụng rộng rãi. Tiêu biểu trong đó là công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; sử dụng giống cây trồng, vật nuôi có năng suất chất lượng cao gắn với biến đổi khí hậu; ứng dụng đồng bộ cơ giới hoá trong sản xuất, công nghệ chuồng lạnh trong lĩnh vực chăn nuôi, công nghệ sấy thăng hoa và công nghệ chiếu xạ do doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp.

- Nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sản xuất nông nghiệp tốt ngày càng

²⁷ Trong giai đoạn 2021 – 2023: chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa: chuyển 2.007 ha lúa. Trong đó: chuyển sang cây hàng năm 755,23ha; chuyển sang cây lâu năm 595,98 ha, trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản 60 ha; giảm diện tích cây công nghiệp lâu năm từ 94.816 ha năm 2021 xuống còn 91.686 ha; tăng diện tích cây ăn quả từ 73.443 ha năm 2021 lên 78.280 ha.

phát triển. Hoạt động dịch vụ nông nghiệp rộng khắp và dần đi vào chiều sâu góp phần mở rộng sản xuất nông nghiệp, phát triển thị trường.

- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật được quan tâm đầu tư. Các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung có hệ thống giao thông nội đồng, thủy lợi, điện cơ bản đáp ứng nhu cầu sản xuất của người. Hệ thống logistic trên địa bàn ngày càng phát triển, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động thương mại của tỉnh nói chung và lĩnh vực nông nghiệp nói riêng; công tác quy hoạch không gian phát triển ngành được tập trung, chú trọng, được cụ thể hoá trong Quy hoạch tỉnh để làm cơ sở triển khai thu hút đầu tư.

- Công nghiệp chế biến nông sản tiếp tục phát triển, có nhiều chuyên biến tích cực, giá trị tốc độ tăng giá trị công nghiệp chế biến thực phẩm luôn duy trì ở mức trên 5%/năm. Đặc biệt hoạt động xuất khẩu trái cây tươi đạt được dấu mốc ấn tượng, nhất là sản phẩm sầu riêng, chuối tươi xuất sang thị trường Trung Quốc đạt mức cao kỷ lục, năm 2023 giá trị xuất khẩu ước đạt 4,8 ngàn tỷ đồng.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm được mở rộng, cùng với 16 Hiệp định thương mại tự do đã được Việt Nam ký kết (song phương, đa phương), nhất là CPTPP, EVFTA,... đã tạo điều kiện thuận lợi cho các mặt hàng nông sản trong nước và của tỉnh mở rộng thị trường xuất khẩu, gia tăng giá trị sản phẩm. Thị trường sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, tiêu chuẩn sản xuất thực phẩm Halal được quan tâm thúc đẩy với nhiều hội nghị, hội thảo, chương trình xúc tiến thương mại được Bộ Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị liên quan tổ chức. Tổng kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh ước năm 2025 đạt 3,6 tỷ USD, tăng 8,4% so với năm 2021²⁸.

- Các cơ chế chính sách, chương trình, đề án, dự án phục vụ mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững gắn với mục tiêu đột phá về nông nghiệp theo Nghị quyết Đại hội Đại biểu lần thứ XI Đảng bộ tỉnh, được ban hành kịp thời, đồng bộ, tiêu biểu trong đó là Chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, xúc tiến thương mại, hỗ trợ hạ tầng đầu tư cụm công nghiệp, chính sách đặc thù của tỉnh về hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ và kế hoạch của UBND tỉnh trên từng lĩnh vực về thực hiện các Chiến lược phát triển ngành giai đoạn 2021 – 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành (*trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp, phát triển ngành nghề làng nghề nông thôn*).

3.1.2. Tỉnh Bình Phước (cũ)

Sau 03 năm thực hiện Kết luận 369-KL/TU, kết quả các chỉ tiêu chủ yếu cơ bản đáp ứng tiến độ đến năm 2025. Trong đó có 04/09 chỉ tiêu đã đạt và vượt mục tiêu, đó là: Tỷ lệ trang trại chăn nuôi heo theo hướng an toàn; Tỷ lệ trang trại chăn nuôi gia cầm theo hướng an toàn; Phát triển nuôi chim yến tại các huyện, thị xã, thành phố; Phát triển HTX NNUDCNC trong hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.2. Tồn tại, khó khăn, vướng mắc

3.2.1. Tỉnh Đồng Nai (cũ)

- Còn 03 chỉ tiêu chuyên biến chậm, chưa đảm bảo theo lộ trình, kế hoạch

²⁸ Năm 2021 đạt hơn 3 tỷ USD; năm 2022 đạt hơn 3,16 tỷ USD; năm 2023 đạt hơn 3,26 tỷ USD.

đề ra (*doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao được công nhận; tỷ lệ diện tích sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ; tỷ lệ giá trị sản phẩm nông nghiệp được sản xuất theo quy trình VietGAP hoặc tương đương*). Điều này phản ánh thực tế việc thu hút doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp còn hạn chế; Qua cuộc khảo sát điều tra các doanh nghiệp công nghệ cao phần lớn đang vướng tiêu chí chứng minh về các hoạt động nghiên cứu, thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao, chuyển giao công nghệ để sản xuất sản phẩm nông nghiệp của doanh nghiệp; Sản phẩm đạt chứng nhận sản xuất an toàn có quy mô nhỏ, thiếu liên kết do đó chưa tạo ra sản lượng lớn, chất lượng đồng đều; nên khó xâm nhập vào các kênh phân phối lớn để nâng cao giá trị gia tăng.

- Đa số các công nghệ được áp dụng trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn có hàm lượng khoa học công nghệ chưa cao. Việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao cần nguồn lực khá lớn để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, giống, thiết bị, máy móc, công nghệ, đào tạo nhân lực, xây dựng và nhận diện thương hiệu. Trong khi nguồn vốn của các doanh nghiệp, cá nhân còn hạn chế, việc tiếp cận chính sách ưu đãi về đất đai, tài chính, tín dụng còn khó khăn.

- Diện tích đạt chứng nhận nông nghiệp hữu cơ của tỉnh còn thấp (28,7 ha), về cơ bản do một số tồn tại sau: (1) Phương thức sản xuất thâm canh cao trong thời gian dài dựa trên nền hóa học, dù cho năng suất cao nhưng ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động và gây ô nhiễm môi trường, thoái hóa đất đai nguồn nước do sử dụng quá mức phân bón vô cơ và thuốc bảo vệ thực vật; ngoài ra, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa tăng nhanh dẫn đến nhiều nơi điều kiện đất, nước, môi trường không đảm bảo tiêu chuẩn để sản xuất hữu cơ; (2) Vật tư đầu vào đủ điều kiện trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế, nhất là trong lĩnh vực chăn nuôi; (3) Quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tài liệu tập huấn đào tạo về sản xuất hữu cơ còn chưa phổ biến; (4) Năng suất cây trồng, vật nuôi giảm, thu nhập của người sản xuất nông nghiệp hữu cơ có nguy cơ giảm nếu người tiêu dùng chưa nhận thức và trả đúng giá trị của sản phẩm; (5) Tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn hạn chế về số lượng và quy mô; (6) Niềm tin của người tiêu dùng đối với sản phẩm hữu cơ chưa sâu sắc, chưa xây dựng được những thương hiệu sản phẩm hữu cơ đủ mạnh.

- Công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh hiện nay mới đáp ứng tưới tiêu chủ động khoảng 12,4% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, chủ yếu tưới cho cây hàng năm; phần lớn diện tích cây lâu năm có giá trị kinh tế cao vẫn sử dụng nguồn nước ngầm và các điểm tích trữ nước phục vụ sản xuất do người dân tự đầu tư, từ đó việc tăng năng suất, chuyển đổi cơ cấu cây trồng gặp nhiều trở ngại. UBND tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ thúc đẩy phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn (*Nghị quyết số 198/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019*), tuy nhiên đến ngày 30/6/2025 chưa có đối tượng được thụ hưởng chính sách; một phần do các địa phương chưa quan tâm bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương, đồng thời các tổ chức thủy lợi cơ sở (HTX, THT) còn hạn chế năng lực quản lý và vận hành công trình, cơ chế tài chính về hỗ trợ chưa được trung ương quy định và hướng dẫn cụ thể.

- Trình độ công nghệ chế biến ở mức trung bình, đa số nông sản chế biến có giá trị gia tăng thấp, chiếm khoảng 70-85%; phần lớn nông sản chế biến được

xuất khẩu ở dạng sơ chế thô, giá trị thường thấp hơn so với sản phẩm cùng loại ở các nước khác. Đa số doanh nghiệp chế biến nông lâm thủy sản đều phát triển từ hộ gia đình nên hạn chế về tài chính, về ứng dụng công nghệ hiện đại, chưa hiểu đầy đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của pháp luật quy định. Việc triển khai thực hiện thủ tục để sớm đầu tư 02 cụm công nghệ chế biến sâu nông sản tại huyện Định Quán, Cẩm Mỹ và Chợ đầu mối nông sản thực phẩm Dầu Giây giai đoạn 2 còn chậm so với kế hoạch.

- Công tác triển khai thực hiện Đề án nghiên cứu khả thi phát triển bền vững nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của Israel trên địa bàn tỉnh Đồng Nai đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (*gọi tắt Đề án Israel*) còn nhiều khó khăn, vướng mắc, chậm trễ. Nguyên nhân, 05 mô hình tại BQL Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học tỉnh (*gọi tắt BQL*) đang gặp vướng mắc về thủ tục nên chưa thể triển khai thực hiện, địa điểm chưa phù hợp quy hoạch (*hiện trạng đất cây xanh và đất hạ tầng kỹ thuật*) trong khi quy hoạch phân khu Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học Đồng Nai chưa được phê duyệt vì đang chờ chủ trương về việc chuyển đổi Khu Công nghệ cao công nghệ sinh học thành Khu Công nghệ cao Đồng Nai. Đối với 09 mô hình nhóm B, nhóm C (*tại huyện Cẩm Mỹ, Vĩnh Cửu, Định Quán, Trảng Bom, Xuân Lộc, Tân Phú và thành phố Long Khánh*), việc vận động các hộ nông dân thực hiện đăng ký thí điểm ứng dụng công nghệ cao của Israel gặp nhiều khó khăn do điều kiện thực hiện mô hình là cây trồng phải được trồng mới, thuần (*diện tích 02ha/mô hình*), tuy nhiên, hiện tại nông dân chưa có nhu cầu trồng mới vì giá bán không cao, không lợi nhuận bằng những loại cây trồng khác (như sầu riêng, bưởi,...), đa số các hộ nông dân hiện đang chăm sóc và thu hoạch trên diện tích cây trồng sẵn có nên chưa muốn chuyển sang trồng các đối tượng cây trồng khác; chưa có chính sách đặc thù để hỗ trợ người dân áp dụng đồng bộ công nghệ Israel vào sản xuất (*thực tế chi phí đầu tư ban đầu cao*), định mức kinh tế kỹ thuật cho hình công nghệ cao chưa được trung ương ban hành, chưa có chuyên gia nông nghiệp Israel để chuyển giao công nghệ áp dụng cho từng mô hình theo mục tiêu đề án đề ra.

- Hoạt động của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cấp tỉnh, cấp huyện chưa thực sự hiệu quả, việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ quan trọng, gắn với định hướng phát triển nông nghiệp bền vững hiện nay, như tư vấn xây dựng dự án đầu tư, dự án liên kết, phương án phát triển thị trường, xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc nông sản, cung ứng vật tư đầu vào phục vụ sản xuất còn hạn chế; Hệ thống khuyến nông cộng đồng mới thành lập chưa đủ năng lực tư vấn, thực hiện nhiệm vụ đặt hàng của Nhà nước; chưa có cơ chế, chính sách để hỗ trợ hoạt động của các tổ khuyến nông cộng đồng tại địa phương.

- Nhiều địa phương chưa bố trí đủ số lượng công chức theo chỉ tiêu được phân bổ cho cho lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn²⁹ trong khi phạm vi nội dung rộng, nhiều, liên quan trực tiếp đến sinh kế của nông dân và dân cư nông thôn.

²⁹ Phòng Kinh tế huyện Trảng Bom thiếu 1 người (có 4/10 công chức phụ trách nông nghiệp); phòng NN&PTNT huyện Vĩnh Cửu thiếu 4 người (có 5/9 công chức phụ trách nông nghiệp); Phòng Kinh tế tp.Biên Hòa có 2 công chức nông nghiệp (có 13/13 biên chế); Phòng Kinh tế huyện Nhơn Trạch thiếu 1 người (có 3/9 công chức nông nghiệp).

3.2.2. Tỉnh Bình Phước (cũ)

- Việc xác định vị trí, diện tích thành lập các khu, vùng NNUDCNC gặp khó khăn, kéo dài do phải đảm bảo theo tiêu chí quy định của Chính phủ về khu, vùng ứng dụng công nghệ cao.

- Quy hoạch diện tích đất phát triển vùng NNUDCNC đến năm 2030 khoảng 10.800 ha. Tuy nhiên, qua rà soát tại các địa phương, hiện quỹ đất cho thu hút đầu tư còn hạn chế, chủ yếu là liên kết hình thành theo hiện trạng sẵn có.

- Việc huy động nguồn lực và thu hút đầu tư trong, ngoài nước vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNUDCNC) chưa nhiều. Dù các dự án NNUDCNC đã được đưa vào danh mục kêu gọi đầu tư trong Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021–2030, tầm nhìn đến 2050, nhưng đến nay vẫn chưa thu hút được nhà đầu tư.

- Việc phát triển chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ, xây dựng thương hiệu và thị trường chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Nhiều sản phẩm dù đạt quy trình chất lượng cao nhưng chưa được chứng nhận an toàn thực phẩm, VietGAP, GlobalGAP hay hữu cơ. Các đơn vị sản xuất ít quan tâm đầu tư vào bao bì, nhãn mác, tiêu chuẩn, dẫn đến giá trị thương hiệu còn thấp.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp còn hạn chế do yêu cầu kỹ thuật cao, quy trình nghiêm ngặt, đòi hỏi trình độ quản lý và tay nghề lao động khiến nông dân và HTX khó tiếp cận, khó nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ và công nghệ cao.

- Phát triển nông nghiệp bền vững dựa trên việc kết hợp hài hòa giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, hệ sinh thái còn mới mẻ. Thói quen canh tác theo phương thức truyền thống khó thay đổi tác động vào nhận thức của nông dân.

- Vai trò của các chủ thể trong sản xuất kinh doanh chưa có nhiều chuyển biến. Năng lực nội tại của HTX còn yếu, còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước. Nhiều nông dân chưa nhận thức đầy đủ về vai trò, lợi ích của ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất.

3.3. Nguyên nhân

3.3.1. Tỉnh Đồng Nai (cũ)

a) Nguyên nhân chủ quan:

- Việc cụ thể hóa mục tiêu, giải pháp bằng chương trình, kế hoạch của một số cấp ủy, chính quyền còn chậm; việc ưu tiên nguồn lực nhất là tài chính, đất đai, nhân lực để thực hiện các mục tiêu tại một số địa phương chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ đề ra; công tác phối hợp giữa các ngành, địa phương còn thiếu sự đồng bộ, kịp thời, chặt chẽ, dẫn đến một số chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ sản xuất triển khai còn chậm, hiệu quả chưa cao, chưa tạo động lực và huy động các nguồn lực phát triển ngành, như: hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, khuyến nông, khuyến công, hỗ trợ sản xuất an toàn, liên kết sản xuất, tín dụng ưu đãi,...;

- Mặc dù công tác thông tin, dự báo thị trường trong sản xuất nông nghiệp luôn được ngành nông nghiệp, ngành công thương, các ngành, địa phương chú trọng. Song thực tế cho thấy nhiều thời điểm, công tác thông tin còn thiếu kịp thời, công tác phân tích, dự báo mới dừng lại ở mức thống kê, so sánh, chưa sát

với yêu cầu thực tiễn.

b) Nguyên nhân khách quan:

- Đất đai sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ, trong khi đó tích tụ, tập trung đất nông nghiệp để sản xuất quy mô lớn còn khó khăn, chưa có quy định dẫn đến việc kêu gọi doanh nghiệp đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật nhằm đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn, quy mô để phục vụ công nghiệp chế biến, thị trường xuất khẩu còn nhiều hạn chế; thiếu quỹ đất công quy mô lớn để thu hút đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Chưa có quy định cụ thể, giải pháp hiệu quả để quản lý các quy hoạch của ngành, lĩnh vực nông nghiệp (ngoài đất trồng lúa, đất lâm nghiệp) do đó tình trạng sau quy hoạch không được quản lý chặt chẽ, việc phá vỡ quy hoạch vẫn diễn ra, ảnh hưởng lớn đến định hướng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Bên cạnh đó, công tác quy hoạch các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp như: hệ thống kho bảo quản, lưu trữ, sơ chế, đóng gói nông sản trong thời gian qua chưa được các ngành, địa phương chú trọng, hiện trạng chưa đáp ứng được so yêu cầu thực tiễn; đầu tư công trình thiết yếu (*công trình để sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; nhà nghỉ, lán trại để phục vụ người lao động*) tại các vùng sản xuất để phục vụ sản xuất nông nghiệp chưa có quy định để triển khai thực hiện, trong khi thực tiễn rất cần thiết.

- Tác động của dịch bệnh Covid-19 và bất ổn kinh tế - chính trị thế giới dẫn đến đứt gãy các chuỗi cung ứng toàn cầu, giá cả vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y tăng cao, thị trường tiêu thụ sản phẩm gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất của người dân, doanh nghiệp, từ đó việc thu hút đầu tư dự án, mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ gặp nhiều khó khăn.

3.3.2. Tỉnh Bình Phước (cũ)

a) Nguyên nhân khách quan

- Biến đổi khí hậu khiến điều kiện thời tiết, dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến năng suất và chất lượng của nông sản.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm NNUDCNC, sạch chưa nhiều, không ổn định, khả năng cạnh tranh còn thấp, chưa tương xứng với mức độ đầu tư.

- Chi phí cho phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hữu cơ cao, quy trình tự sản xuất phân hữu cơ kéo dài gây tâm lý ngần ngại trong áp dụng, duy trì sản xuất hữu cơ.

- Hầu hết diện tích đất công để thực hiện vùng NNUDCNC của các địa phương hiện không còn, do đó để triển khai được nội dung này cần phải liên kết đất sản xuất của nông dân để hình thành vùng sản xuất NNUDCNC.

b) Nguyên nhân chủ quan

- Sản xuất nông nghiệp cơ bản vẫn theo phương thức truyền thống, quy mô nhỏ, lẻ, manh mún nên thiếu gắn kết giữa các khâu sản xuất - thu mua - chế biến - bảo quản - tiêu thụ sản phẩm. Nông dân chưa mạnh dạn đầu tư các thiết bị, ứng dụng công nghệ cao vào hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý.

- Chính sách ưu đãi hỗ trợ cho phát triển NNUDCNC, sạch, hữu cơ còn thấp trong khi chi phí đầu tư đòi hỏi nguồn vốn lớn. Hạ tầng sản xuất còn nhiều bất cập, nên việc thu hút đầu tư còn hạn chế.

- Lực lượng lao động ứng dụng công nghệ cao còn thiếu và yếu, tỷ lệ lao động chưa qua đào tạo cao dẫn đến khó khăn trong tiếp nhận chuyển giao và ứng dụng các công nghệ cao trong sản xuất.

- Hiện tỉnh chưa có chính sách riêng hỗ trợ HTX nông nghiệp công nghệ cao, nên đang vận dụng hỗ trợ các HTX nông nghiệp công nghệ cao theo các chính sách hỗ trợ HTX chung của tỉnh.

- Một số quy định chưa ban hành kịp thời như chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể về xây dựng vùng an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của Tổ chức thú y thế giới (OIE); không có quy định kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật giữa các huyện trong nội tỉnh gây khó khăn trong việc kiểm soát động vật, sản phẩm động vật ra vào vùng an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn thế giới.

4. Xác định những vấn đề mới phát sinh trong thực tiễn

- Nhu cầu truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số tăng nhanh.

- Yêu cầu mới của thị trường về chất lượng, an toàn thực phẩm và chứng nhận quốc tế.

- Tác động của biến đổi khí hậu, hạn hán, khô hạn kéo dài, thiếu nước tưới.

- Xu hướng sản xuất xanh – hữu cơ – tuần hoàn ngày càng quan trọng.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Để tỉnh Đồng Nai có thể hiện thực hóa các mục tiêu và định hướng đã đề ra theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030 và Chương trình hành động số 02/CTr/TU ngày 23/10/2025 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất một số vấn đề sau:

1. Hoàn thiện hành lang pháp lý: Tiếp tục hoàn thiện tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia về nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; sửa đổi, bổ sung các chính sách hỗ trợ phù hợp với đặc thù từng vùng, giảm thủ tục hành chính cho doanh nghiệp nông nghiệp.

2. Hỗ trợ nguồn vốn: Tăng nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia và vốn ODA hỗ trợ phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ tại Đồng Nai; có chính sách tín dụng ưu đãi dành riêng cho doanh nghiệp khởi nghiệp trong nông nghiệp hữu cơ và ứng dụng công nghệ cao.

3. Hỗ trợ về khoa học – công nghệ: Chuyển giao các công nghệ mới, mô hình tiên tiến từ các viện nghiên cứu quốc gia cho tỉnh Đồng Nai; đưa Đồng Nai vào danh sách các tỉnh trọng điểm về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ để được ưu tiên đầu tư.

Trên đây là báo cáo kết quả phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp theo hướng hữu cơ gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh;
- CT, PCT, thành viên UBND tỉnh;
- Sở NN & MT;
- Hội Nông dân tỉnh;
- LĐVP;
- Lưu: VT,

CHỦ TỊCH